

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020**



FECON



Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
Tên tiếng Anh: FECON CORPORATION
Tên viết tắt: FECON

Giấy đăng ký kinh doanh:
Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
cấp lần đầu ngày 18/6/2004

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà
Nội

Điện thoại: 024 62690481
Email: info@fecon.com.vn | **Website:** www.fecon.com.vn

FECON

fecon.com.vn

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty FECON,

Năm 2020 được coi là một năm đặc biệt khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung cũng như kinh tế Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid 19 bùng phát. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam rất vất vả để có thể “giữ mình” trước cơn bão dịch bệnh thì FECON lại là một trong những đơn vị duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Kết thúc năm 2020, vốn điều lệ của FECON là 1.254 tỷ đồng. Tính tới 31/12/2020, tổng tài sản công ty đạt 6.780 tỷ đồng, tăng 20% so với đầu năm 2020. FECON ghi nhận doanh thu đạt 3.154 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế đạt 133 tỷ đồng.

Năm 2020 ghi nhận doanh số ký hợp đồng kỷ lục với tổng giá trị hợp đồng đã ký trên toàn hệ thống khoảng 6.000 tỷ đồng. Đặc biệt, một trong những mảng kinh doanh chiến lược mà FECON đang đẩy mạnh phát triển là Xây dựng công nghiệp, trong đó nổi bật là các dự án năng lượng tái tạo. Năm 2020 được coi là năm tạo đà của FECON trong mảng này khi trúng thầu hàng loạt gói thầu lớn tại các dự án điện gió như dự án B&T Quảng Bình, dự án Thái Hòa, dự án Trà Vinh V1.3, dự án Lạc Hòa – Hòa Đông, dự án Quốc Vinh Sóc Trăng... Giá trị hợp đồng ký mới ghi nhận cho các dự án điện gió mà FECON tham gia là trên 2.000 tỷ đồng. Tại các dự án điện gió, FECON đều giữ vai trò nhà thầu C-BOP, đảm nhận toàn bộ phần thi công cơ sở hạ tầng cho công trình. Đây là một bước chạy đà vô cùng thuận lợi cho FECON trong việc thực hiện thành công chiến lược giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, khẳng định năng lực của công ty với vai trò là tổng thầu.

Cũng trong năm 2020, với việc trúng thầu hạng mục thi công đào hầm bằng TBM thuộc gói thầu CP03 tại dự án Metro Line 3 đoạn Nhổn – Ga Hà Nội, FECON là đơn vị nhà thầu chuyên môn, đảm nhiệm việc thi công đường hầm đoạn Voi Phục - Trần Hưng Đạo. Trong đó, nổi bật là việc tham gia vận hành trực tiếp robot khiên đào TBM, dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia đến từ tổng thầu Hyundai-Ghella. Cùng với đó, FECON cũng đã hoàn thành các hạng mục ngầm tại dự án Nhà máy nước thải Yên Xá Hà Nội, là một trong các dự án thoát nước ngầm lớn nhất từ trước đến nay tại thủ đô. Cùng với Metro Line 3 và Nhà máy nước thải Yên Xá, FECON đã được UBND TP Hà Nội lựa chọn tham gia liên danh thực hiện dự án thi công hầm chui Lê Văn Lương – Vành đai 3. Việc tham gia vào các dự án này không chỉ là cơ hội để FECON đóng góp một phần nhỏ bé vào các công trình trọng điểm của Thủ đô, mà còn là cơ hội để nhà thầu Việt nâng cao năng lực tại những công trình khó, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa đối với các sản phẩm xây dựng áp dụng công nghệ mới tại Việt Nam.

Về lĩnh vực đầu tư, điểm nhấn của FECON trong năm 2020 đó là trở thành chủ đầu tư dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng với công suất giai đoạn 1 là 30MW, giai đoạn 2 là 99MW. Bên cạnh các dự án tại Bình Thuận, Gia Lai, Bình Phước trong lĩnh vực năng lượng sạch, FECON vẫn tiếp tục theo đuổi và phát triển các dự án bất động sản công nghiệp tại Thái Nguyên, Bắc Giang và các dự án bất động sản đô thị tại Hưng Yên, Bắc Ninh, Đồng Tháp. Những nỗ lực phát triển dự án điện gió ngoài khơi trong năm 2020 đã mang tới thành quả bước đầu khi UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đồng ý chủ trương cho phép FECON thực hiện nghiên cứu lập hồ sơ đối với dự án nhà máy điện gió trên biển với tổng công suất dự kiến 500MW, diện tích nghiên cứu khảo sát dự án khoảng 120km² vùng biển ngoài khơi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy tính đến nay, trong danh mục đầu tư dự án của FECON, có trên 1000MW năng lượng tái tạo, trên 800ha khu công nghiệp và trên 250ha khu đô thị.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, đặt ra những thách thức to lớn đối với các doanh nghiệp xây dựng nói chung và đối với FECON nói riêng. Trong năm 2020, với sự điều hành linh hoạt, ứng phó nhanh nhạy của ban lãnh đạo và sự đồng lòng của tập thể cán bộ nhân viên, FECON đã vượt qua cơn bão Covid-19 thành công.

Năm 2021, FECON phấn đấu đạt kế hoạch tăng trưởng về doanh thu với 3.900 tỷ đồng, tăng 24%, lợi nhuận sau thuế đạt 175 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Đây tiếp tục là những mục tiêu lớn trong bối cảnh thách thức rất lớn từ đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty và sự đồng lòng của các cổ đông FECON.

Trân trọng cảm ơn các quý vị Cổ đông và toàn thể anh chị em cán bộ, nhân viên FECON.

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



PHẠM VIỆT KHOA

PHẦN
01 /

THÔNG ĐIỆP CỦA CT HĐQT

PHẦN
02 /

DẤU ẤN CỦA NĂM

- 10. Những con số ấn tượng năm 2020
- 14. Dấu ấn FECON 2020

PHẦN
03 /

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

- 20. Tầm nhìn sứ mệnh
- 22. Các dấu mốc lịch sử
- 24. Giới thiệu đơn vị thành viên
- 27. Ba trụ cột chiến lược
- 28. Mô hình tổ chức & nhân sự
- 39. Chính sách nhân sự & phát triển đội ngũ

PHẦN
04 /

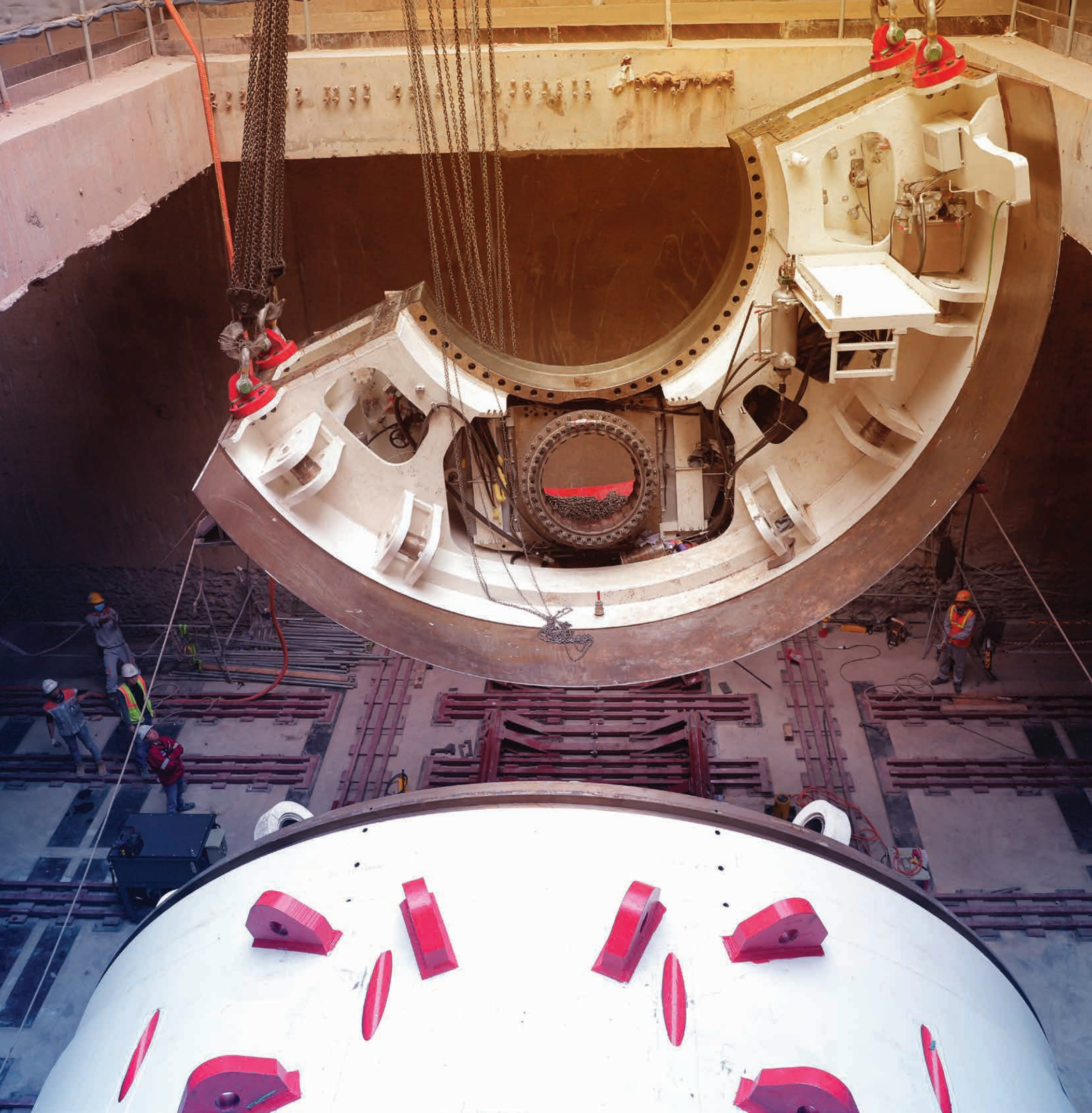
VƯỢT BÃO THÀNH CÔNG

- 44. Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 58. Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 62. Báo cáo quản trị rủi ro
- 64. Báo cáo phát triển bền vững

PHẦN
05 /

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 72. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 74. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 76. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 78. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 79. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



PHẦN
02

DẤU ẤN
CỦA NĂM

10 Những con số ấn tượng năm 2020

14 Dấu ấn FECON

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2020



22 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

TRONG ĐÓ 18 CÔNG TY CON,
4 CÔNG TY LIÊN KẾT



2.503 TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU



6.780 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN



3.154 TỶ ĐỒNG

DOANH THU



133 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



1.254 TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



1.797

CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

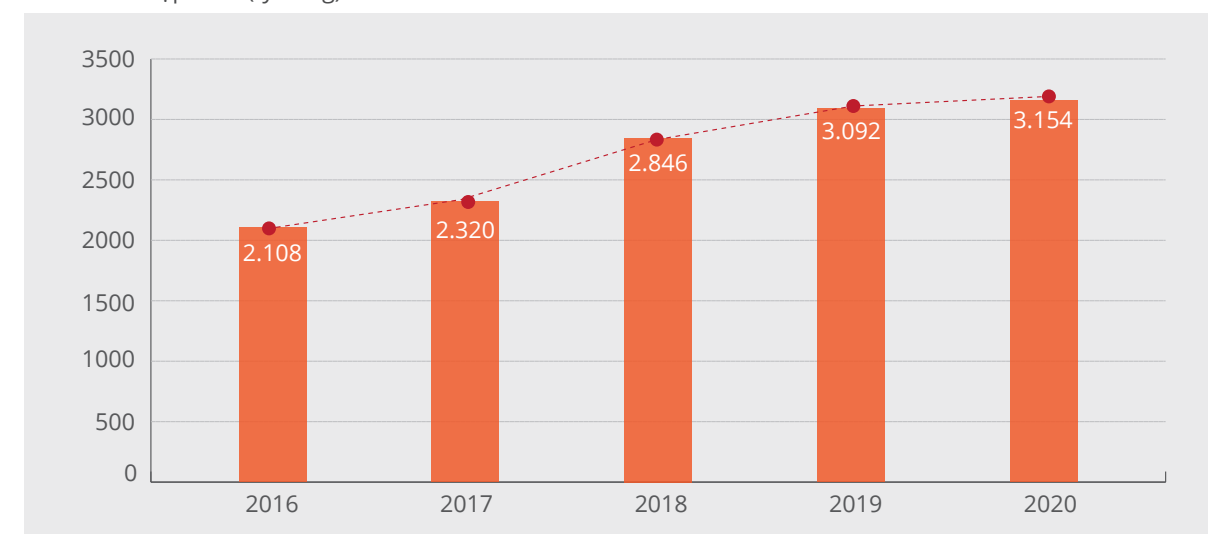
KẾT QUẢ HKKD	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu	2.108	2.320	2.846	3.092	3.154
Lợi nhuận gộp	333	337	428	434	473
Lợi nhuận trước thuế	211	222	306	277	168
LN sau thuế	176	178	249	212	133
LN thuộc về cổ đông công ty mẹ	155	167	246	201	119

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

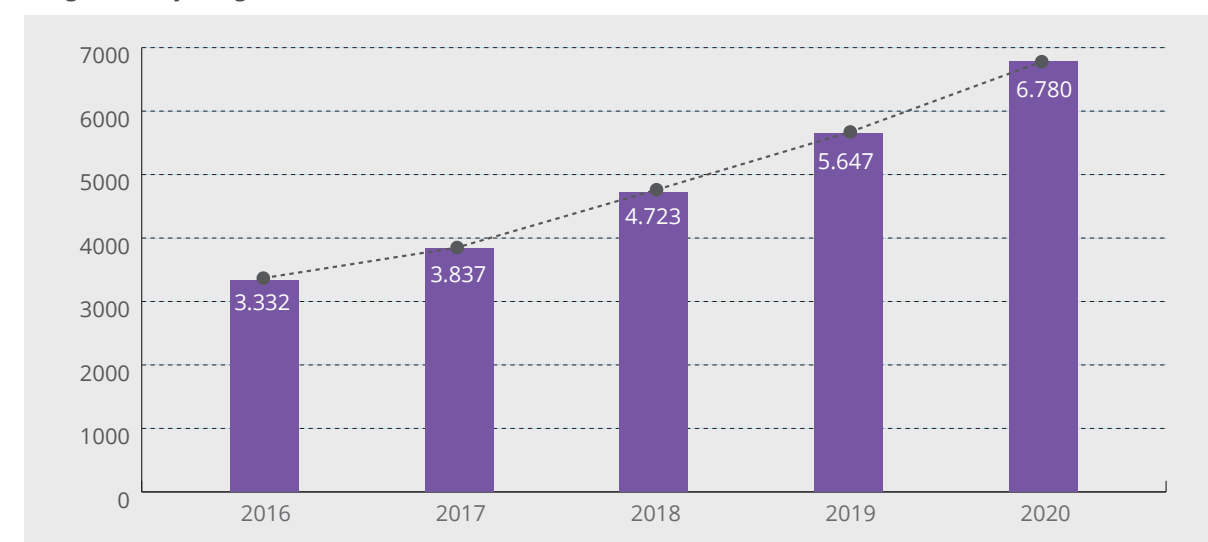
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng tài sản	3.332	3.838	4.723	5.647	6.780
Tài sản ngắn hạn	2.246	2.857	3.651	4.502	5.557
Tài sản dài hạn	1.086	981	1.072	1.146	1.223
Nợ ngắn hạn	1.283	1.798	2.172	2.804	3.896
Nợ dài hạn	815	652	617	388	381
Vốn chủ sở hữu	1.234	1.387	1.934	2.456	2.503
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	264	231	130	256	288

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	2016	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ lợi nhuận					
Doanh thu/Tổng tài sản	63%	60%	60%	55%	47%
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu	16%	15%	15%	14%	15%
EBIT/ Doanh thu	14%	13%	14%	12%	8%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	10%	10%	11%	9%	5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	8%	8%	9%	7%	4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	14%	13%	13%	9%	5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5%	5%	5%	4%	2%
Thanh khoản					
Tỷ lệ thanh toán hiện hành (lần)	1.51	1.75	1.59	1.68	1.60
Tỷ lệ thanh toán nhanh (lần)	1.21	1.50	1.36	1.44	1.36
Đòn bẩy tài chính					
Nợ/ VCSH (lần)	1.95	1.69	1.77	1.44	1.30
Tổng tài sản/VCSH (lần)	2.95	2.70	2.77	2.44	2.30
Vốn điều lệ					
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	447	543	943	1.195	1.254

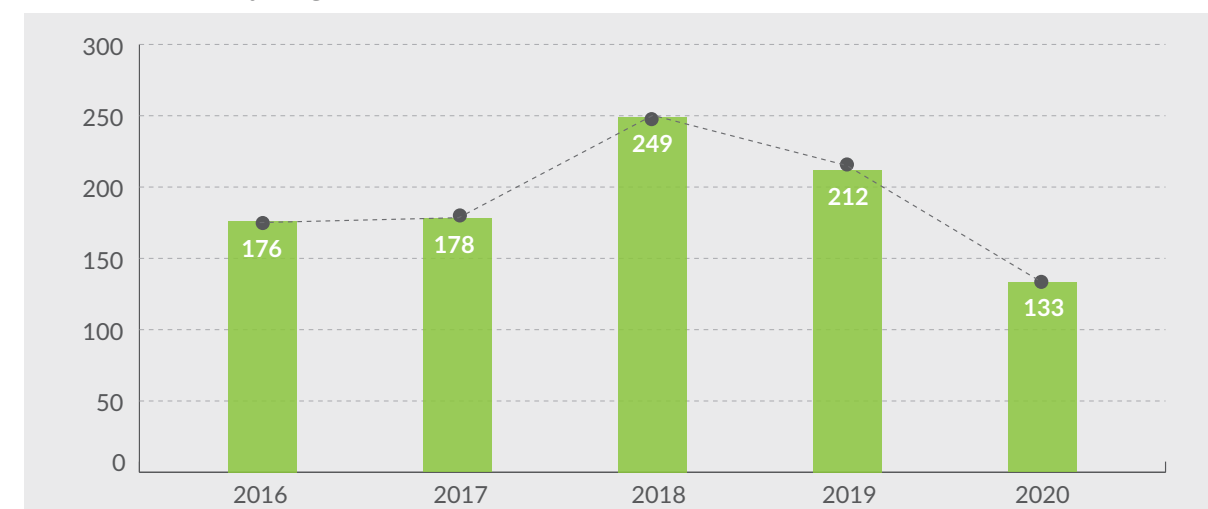
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



Dấu ấn FECON 2020

ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ GẶP KHÓ KHĂN VÌ COVID 19

Năm 2020 được coi là một năm đặc biệt khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung cũng như kinh tế Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid 19 bùng phát. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam rất vất vả để có thể “giữ mình” trước cơn bão dịch bệnh thì FECON lại là một trong những đơn vị duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định với mức tăng trưởng doanh thu dương. Kết thúc năm 2020, doanh thu của FECON đạt 3154 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2019, hoàn thành 80% kế hoạch được công bố tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Kết quả này có được là do năm 2020, nhiều gói thầu có giá trị lớn được triển khai và mang về doanh thu, trong đó có thể kể đến một loạt các dự án điện gió như B&T Quảng Bình, Điện gió Thái Hòa, điện gió Trà Vinh 1.3, điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, điện gió Lạc Hòa - Hòa Đông cùng với các dự án khác như Metro Line 3 Hà Nội, Tổ hợp hóa dầu Long Sơn, Hoa Sen Đại Phước, Mỹ Đình Pearl... Với những kết quả đó, FECON tiếp tục được xướng tên tại hạng mục “Top 10 nhà thầu xây dựng uy tín 2020” do Vietnam Report bình chọn. Theo đó, đây là năm thứ 3 liên tiếp FECON vinh dự nhận giải thưởng cao quý này.



CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHIẾN LƯỢC MỚI, ĐẶC BIỆT LÀ MẢNG XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Năm 2020 ghi nhận doanh số ký hợp đồng kỷ lục với tổng giá trị hợp đồng đã ký trên toàn hệ thống khoảng 5.860 tỷ đồng. Một trong những mảng kinh doanh chiến lược mà FECON đang đẩy mạnh phát triển là Xây dựng công nghiệp, đặc biệt là các dự án năng lượng sạch.... Năm 2020 được coi là năm tạo đà của FECON trong mảng này khi trúng thầu hàng loạt gói thầu lớn tại các dự án điện gió như dự án B&T Quảng Bình, dự án Thái Hòa, dự án Trà Vinh V1.3, dự án Lạc Hòa - Hòa Đông, dự án Quốc Vinh Sóc Trăng... Giá trị hợp đồng ký mới ghi nhận cho các dự án điện gió mà FECON tham gia là trên 2000 tỷ đồng. Tại hầu hết các dự án, FECON đều giữ vai trò nhà tổng thầu C-BOP, đảm nhận toàn bộ phần thi công cơ sở hạ tầng cho công trình. Đây là một bước chạy đà vô cùng thuận lợi cho FECON trong việc thực hiện thành công chiến lược giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, khẳng định năng lực của công ty với vai trò là tổng thầu.

DUY TRÌ VỊ THẾ TOP ĐẦU TRONG LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH NGẦM, ĐẶC BIỆT LÀ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ

Năm 2020, với việc trúng thầu hạng mục thi công đào hầm bằng TBM thuộc gói thầu CP03 tại dự án Metro Line 3 đoạn Nhổn - Ga Hà Nội, FECON là đơn vị nhà thầu chuyên môn, đảm nhiệm việc thi công đường hầm đoạn Voi Phục - Trần Hưng Đạo. Trong đó, nổi bật là việc tham gia vận hành trực tiếp robot khiên đào TBM, dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia đến từ tổng thầu Hyundai-Ghella. Tháng 5/2020 FECON cũng đã hoàn thành các hạng mục ngầm tại dự án Nhà máy nước thải Yên Xá Hà Nội, là một trong các dự án thoát nước ngầm lớn nhất từ trước đến nay tại thủ đô. Cùng với Metro Line 3 và Nhà máy nước thải Yên Xá, tháng 10/2020, FECON đã được UBND TP Hà Nội lựa chọn tham gia liên danh thực hiện dự án thi công hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3. Đây là một trong những dự án nằm trong danh mục công trình trọng điểm (2016-2020) của thành phố nhằm mục tiêu giải quyết xung đột tại nút giao giữa đường Vành đai 3 với đường Lê Văn Lương, giảm thiểu ùn tắc giao thông tại đây. Tại cả 3 dự án nêu trên, FECON đều phát huy các sở trường và năng lực hiện có của một nhà thầu nền móng và công trình ngầm hàng đầu tại Việt Nam, đặc biệt trong mảng ngầm đô thị thông qua việc áp dụng những công nghệ và kỹ thuật xây dựng hiện đại nhất hiện nay nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm thiểu tác động đến môi trường và địa chất xung quanh, mang lại hiệu quả cao nhất cho dự án... Việc tham gia vào các dự án này không chỉ là cơ hội để FECON đóng góp một phần nhỏ bé vào các công trình trọng điểm của Thủ đô, mà còn là cơ hội để nhà thầu Việt nâng cao năng lực tại những công trình khó, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa đối với các sản phẩm xây dựng áp dụng công nghệ mới tại Việt Nam.



04



PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHẤT LƯỢNG CAO THEO CHUẨN QUỐC TẾ

Ban lãnh đạo Công ty đã xác định rõ các ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư dự án, đó là: Năng lượng sạch, Hạ tầng đô thị, Khu công nghiệp. Điểm nhấn của FECON trong năm 2020 đó là trở thành chủ đầu tư dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng với công suất giai đoạn 1 là 30MW, giai đoạn 2 là 99MW.

Bên cạnh các dự án tại Bình Thuận, Gia Lai, Bình Phước trong lĩnh vực năng lượng sạch, FECON vẫn tiếp tục theo đuổi và phát triển các dự án bất động sản công nghiệp tại Thái Nguyên, Bắc Giang và các dự án bất động sản đô thị tại Hưng Yên, Bắc Ninh, Đồng Tháp. Những nỗ lực phát triển dự án điện gió ngoài khơi trong năm 2020 đã mang tới thành quả bước đầu là vào tháng 1/2021, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa đồng ý chủ trương cho phép FECON thực hiện nghiên cứu lập hồ sơ đối với dự án nhà máy điện gió trên biển với tổng công suất dự kiến 500MW, diện tích nghiên cứu khảo sát dự án khoảng 120km2 vùng biển ngoài khơi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẬP TRUNG, QUYẾT TÂM GIẢM THIỂU LÃNG PHÍ, NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG

Năm 2020, FECON bổ nhiệm thêm 3 vị trí Phó tổng giám đốc mới, phụ trách mảng hạ tầng và xây dựng công nghiệp. Cùng với đó, các nhân sự cấp cao của các đơn vị thành viên như FCU, FCI&U, FDB, GE cũng được bổ nhiệm, giúp tăng cường chất lượng cho bộ máy quản trị trên phạm vi toàn tập đoàn. Bên cạnh việc bổ nhiệm các vị trí quan trọng, công tác trao đổi, bồi dưỡng và đào tạo nhân sự cũng được triển khai mạnh mẽ trong năm 2020, với những chương trình nổi bật như: Manager Summit, PMP, các khóa học dành cho cấp quản lý, các buổi đào tạo cho đội ngũ kỹ sư do chính lãnh đạo FECON đứng lớp. Công tác M&A nhân sự cũng ghi nhận những kết quả đáng kể khi “chiều mộ” được nhiều nhân sự cấp quản lý có kinh nghiệm làm việc ở những tổng thầu, doanh nghiệp lớn trong ngành. Ngày 18/6/2020, dự án NQC (Non-Quality Cost) đã chính thức được khởi động trên phạm vi toàn tập đoàn với mục tiêu hàng đầu là giảm thiểu lãng phí, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty mẹ và 09 đơn vị thành viên đã đồng loạt triển khai NQC ở một hoặc các nhóm phạm vi bao gồm: chi phí chung, chi phí nhân sự, chi phí dự án và các chi phí khác. Kết quả bước đầu tỉ lệ tiết kiệm chi phí so với ngân sách được giao đầu năm của các ban FCN đều đạt từ 10%-15%.



05



ỨNG DỤNG NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ SỐ - “THÁO NÚT THẮT” ĐỂ GIẢI QUYẾT CÁC BÀI TOÁN SỐ HÓA CỦA TẬP ĐOÀN

Đưa vào sử dụng thời điểm Covid-19 bùng phát mạnh tại Việt Nam, phần mềm trình ký điện tử RFA cùng với công cụ Office 365 Teams đã phát huy hiệu quả tích cực, giúp cho quá trình xử lý công việc ở FECON được xuyên suốt qua 2 đợt giãn cách xã hội. RFA đã trở thành công cụ đặc lực cho các cấp lãnh đạo quản lý có thể nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời và xử lý công việc mọi lúc mọi nơi; tiết kiệm thời gian. Từ đó hình thành thói quen làm việc mới cho người FECON trong thời đại 4.0. Bên cạnh đó, trong năm 2020, FECON đã triển khai và đưa vào sử dụng phần mềm quản trị nhân sự HRM tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên cùng với đó là cổng thông tin nội bộ Intranet Portal. FECON vẫn tiếp tục duy trì sử dụng các phần mềm đang có: hệ thống SAP ERP, bộ Office 365, Eoffice, Dataroom, E bidding và các ứng dụng nội bộ IT phát triển trên nền tảng Sharepoint. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trên mọi công đoạn của công việc được coi là việc sống còn của tất cả các doanh nghiệp hiện nay, tạo nên sự cạnh tranh cho doanh nghiệp. Với FECON, Công nghệ thông tin chính là “công cụ hỗ trợ” quan trọng góp phần tìm ra lời giải cho các bài toán quản lý tập trung của tập đoàn ở hiện tại và tương lai.

06



PHẦN 03

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

- 20 Tầm nhìn sứ mệnh
- 22 Các dấu mốc lịch sử
- 24 Giới thiệu đơn vị thành viên
- 27 Ba trụ cột chiến lược
- 28 Mô hình tổ chức & nhân sự
- 39 Chính sách nhân sự & phát triển đội ngũ



TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.



SỨ MỆNH

FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.

TRIẾT LÝ KINH DOANH FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

CÁC DẤU MỐC LỊCH SỬ

2004 – 2006

- ✔ Ra đời ngày **18/6/2004**
- ✔ Khởi đầu bằng nghề ép cọc tại các dự án: Big C, Melinh Plaza và Siêu thị Metro 2
- ✔ Bắt đầu tham gia các dự án của nước ngoài, đặc biệt là các dự án Nhật Bản
- ✔ **93 nhân sự**

2007 – 2008

- ✔ Áp dụng công nghệ sản xuất cọc mang Thương hiệu FECON Pile tại Nhà máy FECON Pile (Hà Nam)
- ✔ Áp dụng công nghệ ép cọc bằng robot
- ✔ FECON Mining – Nhà máy sản xuất cọc – là công ty con đầu tiên ra đời
- ✔ **407 nhân sự**

2009 – 2011

- ✔ Áp dụng công nghệ xử lý nền bằng phương pháp cố kết chân không
- ✔ Thành lập thêm 2 công ty con: FECON GH, Viện Nền móng và Công trình ngầm
- ✔ Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị quốc tế GEOTEC Hà Nội, gây tiếng vang lớn và định kỳ tổ chức vào các năm 2013, 2016, 2019 sau đó
- ✔ **748 nhân sự**

2012 – 2014

- ✔ Thành lập FECON Nghi Sơn, FCI, FCU
- ✔ Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán với mã giao dịch: FCN
- ✔ Dự án đầu tư đầu tiên: BOT Quốc lộ 1 – Đoạn tránh TP. Phủ lý
- ✔ 6 công ty thành viên
- ✔ **1.330 nhân sự**

2015 – 2017

- ✔ Đổi tên thành Công ty CP FECON
- ✔ Thành lập FECON Rainbow (Myanmar), FCS, RFI
- ✔ Công ty VN đầu tiên hoàn tất việc chuyển nhượng 20% cổ phần cho đối tác nước ngoài (Nexco, Jexway - Nhật Bản) tại dự án BOT Phủ Lý
- ✔ Nhà thầu VN đầu tiên vận hành robot khoan hầm TBM tại dự án Metro Line 1 TPHCM
- ✔ 9 công ty thành viên
- ✔ **1.856 nhân sự**

2018 – 2020

- ✔ Khởi công Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 và bắt đầu dự án đầu tư đầu tiên ở mảng năng lượng
- ✔ Ra đời chiến lược kinh doanh mới theo 5 lĩnh vực chính
- ✔ Thành lập FCPL1, FDB, FECON Trung Chính (Myanmar) và FPL, FMS
- ✔ Rút vốn khỏi nhà máy sản xuất cọc tại Hà Nam
- ✔ 18 công ty thành viên
- ✔ **1.797 nhân sự**

GIỚI THIỆU ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



1. CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH NGẦM FECON (FCU)

Công ty cổ phần công trình ngầm FECON (FCU) thành lập ngày 24/12/2014 với sự tham gia của các đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và Nhật Bản, là công ty chuyên về thi công xây dựng công trình ngầm tại khu vực đô thị như thi công công trình hầm Metro, thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền đất yếu trong thi công công trình ngầm bằng các công nghệ đặc biệt như Jet Grouting, Chemical Grouting, TAM Grouting.

1A. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT TIÊN TIẾN RAITO FECON (RFI)

Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến RAITO - FECON (RFI) được thành lập vào tháng 9/2017, dựa trên thỏa thuận hợp tác giữa Công ty cổ phần FECON và Công ty Raito Kogyo (Nhật Bản). Công ty RFI hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xử lý nền bằng phương pháp khoan phụt vừa áp lực cao đường kính lớn và khoan phụt hoá chất, gia cố chống thấm cho công trình.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ FECON (FC I&U)

Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON được thành lập vào tháng 12/2013 với mục đích nắm bắt và đón đầu các cơ hội đầu tư về hạ tầng. FCI&U hoạt động trong lĩnh vực chính là: Phát triển dự án đầu tư hạ tầng; Thi công các dự án hạ tầng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật, đầu tư và phát triển các dự án đô thị...

2A. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG (FCC)

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC được thành lập trên cơ sở liên kết vốn giữa 3 công ty: Công ty Cổ phần FECON, Công ty cổ phần xây dựng Cotec (COTECCONS) và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) nhằm tận dụng thế mạnh, năng lực cũng như kinh nghiệm của 3 đơn vị trong việc triển khai xây dựng các dự án về hạ tầng để thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng theo hình thức PPP, BOT, BT...

2B. CÔNG TY TNHH THI CÔNG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ FCI (FCI ROAD)

Tiền thân là Công ty Cổ phần FECON - BMT được thành lập ngày 05/05/2015, với công việc chính là phục vụ thi công các công trình hạ tầng giao thông bằng công nghệ tiên tiến nhất, đặc biệt là các sản phẩm kết cấu áo đường và bê tông Asphalt. Ngày 11/12/2017, FCI&U đã chính thức hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của BMT và sở hữu 100% vốn, đồng thời đổi tên Công ty Cổ phần FECON - BMT thành Công ty TNHH MTV Thi công Đường bộ FCI.

3. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG FECON TRUNG CHÍNH MYANMAR

Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa 2 công ty: Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính. FECON Trung Chính Myanmar có nhiệm vụ

đón đầu các cơ hội dự án hạ tầng giao thông ODA Nhật Bản tại Myanmar, trong đó gần nhất là 3 dự án cầu lớn, 2 dự án cảng & 1 dự án nâng cấp cải tạo đường sắt Yangon - Mandalay.

4. CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NỀN VÀ XÂY DỰNG FECON (FECON S&C)

Tiền thân của FECON S&C là Công ty Cổ phần Xử lý Nền FECON SHANGHAI HARBOUR (FECON GH) được thành lập tháng 9/2009 là kết quả của sự hợp tác quốc tế, sự kế thừa và phát huy kinh nghiệm và năng lực đã được khẳng định về nghiên cứu ứng dụng mới trong xử lý nền đất yếu của FECON, Việt Nam và Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Shanghai GeoHarbour, Trung Quốc. Tháng 1.2018 FECON mua lại toàn bộ cổ phần từ Shanghai GeoHarbour và đổi tên thành Công ty cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON (FECON S&C).

4A. CÔNG TY CỔ PHẦN FECON MILTEC

Công ty cổ phần FECON Miltec được thành lập vào tháng 11/2011 trên cơ sở hợp tác giữa Công ty Cổ phần FECON (Việt Nam) và Công ty Chikami Miltec Inc. (Nhật Bản). Với đầy chuyên sản xuất bắc thấm có công suất 3,5 triệu m³/tháng. FECON Mitec cung cấp các sản phẩm bắc thấm theo tiêu chuẩn Nhật Bản và quốc tế phục vụ cho hoạt động xử lý nền đất yếu của FECON cũng như cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

5. CÔNG TY CỔ PHẦN FECON SOUTH

Công ty Cổ phần FECON South được thành lập vào tháng 6/2016 với lĩnh vực hoạt động chủ yếu là thiết kế và thi công các giải pháp nền, móng và hạ tầng. Việc thành lập FECON

South khẳng định quyết tâm của ban lãnh đạo công ty trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng thị trường phía Nam.

6. CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FECON (FECON POWER)

Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (FECON Power) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng FECON (FII). FECON Power đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và thực hiện các dự án đầu tư của FECON trong lĩnh vực hạ tầng năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo.

6A. CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VĨNH HẢO 6

Được thành lập từ tháng 3/2018, Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 là đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý và vận hành Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

7. CÔNG TY CP XÂY DỰNG NỀN MÓNG FECON - RAINBOW (YANGON, MYANMAR)

Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng FECON Rainbow được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa 2 công ty: Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Xây dựng Super Rainbow (Myanmar) để thực hiện các công việc liên quan đến khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc & dịch vụ thiết kế, đón đầu các cơ hội trong lĩnh vực xây dựng tại thị trường Myanmar.

8. CÔNG TY CP THIẾT BỊ FECON (FMS)

Công ty cổ phần thiết bị FECON được thành lập vào tháng 12/2018 với nguồn nhân lực chất lượng cao và máy móc thiết

bị hiện đại. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tư vấn định hướng đầu tư thiết bị. Mục tiêu của FMS là trở thành một trong những công ty quản lý & khai thác thiết bị kiểu mẫu đứng trong top đầu thị trường Việt Nam.

9. CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON HẢI ĐĂNG

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng trụ sở tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Công ty Khoáng sản FECON Hải Đăng sở hữu và khai thác các mỏ đá chất lượng cao tại Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An và mỏ cát tại Hà Nội, Hà Nam để cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông dự ứng lực và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng ra thị trường.

10. CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (FECON MINING)

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được thành lập năm 2007 với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực mang thương hiệu FECON Pile, các sản phẩm bê tông chất lượng cao và khai thác khoáng sản cung cấp nguyên vật liệu xây dựng. Đến nay, FECON Mining đã trở thành nhóm các công ty hàng đầu về sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực và khai khoáng tại khu vực phía Bắc. Công ty FECON Mining bao gồm công ty mẹ trụ sở tại Kim Bảng, Hà Nam và đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn.

11. CÔNG TY CỔ PHẦN CỌC KHOAN VÀ KẾT CẤU NGẦM (FDB)

Công ty Cổ phần Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (FDB) thành lập ngày 25/02/2019 với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, cùng với thế mạnh về thi công cọc khoan nhồi, tường vây, cọc cừ, cọc xi măng đất và kết cấu ngầm.

12. CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC VÀ XÂY DỰNG FECON (FPL)

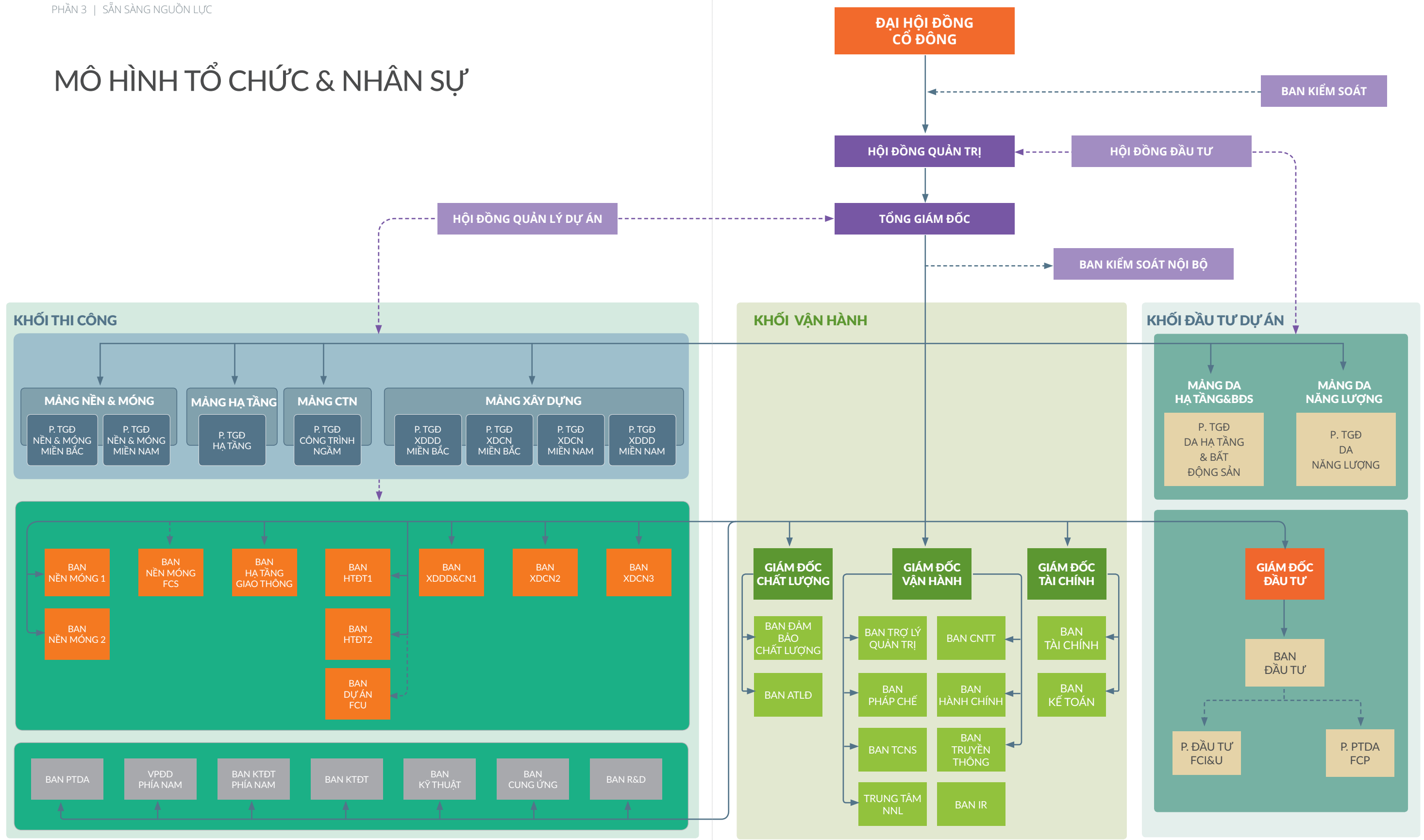
Được thành lập từ năm 2019 với sứ mệnh là tiếp tục duy trì và phát triển lĩnh vực kinh doanh chủ chốt - nền và móng, FPL còn tiếp tục đẩy mạnh vào việc phát triển các lĩnh vực đầu tư khác của tập đoàn FECON như Hạ tầng giao thông, Hạ tầng năng lượng và Hạ tầng đô thị-môi trường. FPL được thừa hưởng toàn bộ nhân sự chủ chốt tại công trường thuộc tập đoàn FECON từ những ngày đầu thành lập và sở hữu lượng thiết bị thi công lớn, nhằm mang lại cho khách hàng gói giải pháp tổng thể tối ưu về nền và móng.

13. CÔNG TY CỔ PHẦN THI CÔNG CỌC FECON SỐ 1 (FCPL1)

Công ty CP Thi công cọc FECON số 1 ra đời vào năm 2019 với nòng cốt là những nhân sự giàu kinh nghiệm, đi đầu trong lĩnh vực thi công cọc dựa trên nền tảng vững chắc mà FECON mẹ đã gây dựng. Các lĩnh vực chính mà FCPL1 đang đảm nhiệm là cung cấp và thi công các loại cọc bê tông DUL, cọc khoan nhồi, cọc vuông, cọc khoan thả...



MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



GHI CHÚ

Tham mưu ←----- Quản lý trực tiếp -----> Huy động nguồn lực ----->

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **PHẠM VIỆT KHOA**

CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sĩ ngành Cơ học đất, Nền móng và Công trình ngầm;
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
1994 - 1998 Công tác tại Công ty xây dựng số 20 (LICOGI 20).
1999 - 2003 Công tác tại Công ty Tư vấn và Thiết kế cầu lớn hầm (BRITEC).
2003 - 2004 Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON.
2004 - 2015 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (sau là Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.
2016 đến nay Ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.
Ông được vinh danh trong Top 10 Doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (giải thưởng Sao Đỏ) năm 2014.



Ông **HÀ THẾ LỘNG**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1953. Quốc tịch Việt Nam.
Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm kỹ thuật - Điện Xí nghiệp.
Quản đốc phân xưởng mạ Công ty Điện cơ thống nhất.
1983 - 1987 Quản lý lao động tại NM dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô (cũ).
1987 - 1991 Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.
2004 - 2007 Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.
2007 - 2010 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
2010 - 2014 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị FECON
11/2018 - nay Hiện nay, ông là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông **HÀ THẾ PHƯƠNG**

P. CHỦ TỊCH HĐQT

Sinh năm 1954. Quốc tịch Việt Nam.
Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa Hà Nội.
1977 - 1987 Giảng viên Khoa Toán, Lý Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định.
1987 - 1995 Quản lý lao động tại Nhà máy Dệt Donhet thuộc Liên Xô cũ.
2000 - 2004 Giảng viên Trường trung cấp Công nghệ Hà Nội.
2004 - 2008 Giám đốc Trung tâm thí nghiệm FECON.
2008 - 2009 Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.
2009 - 2010 Phó Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.
5/2010 - 2014 Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản FECON.
Hiện nay, Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
Cử nhân sư phạm hóa học
1999 - 05/2008 Giáo viên tại Trường THCS Yên Phú- Ý Yên- Nam Định
6/2008 - 10/2009 Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON
10/2009 - 4/2010 Quản đốc xưởng Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON
5/2010 - 12/2014 Phó Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản FECON
01/2015 - nay Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
4/2019 - nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



Ông **TRẦN TRỌNG THẮNG**

P. CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HĐQT

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.
Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật.
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Northwestern (Thụy Sĩ).
1994 - 2002 Công tác tại Công ty Xây dựng 20 - LICOGI 20.
2002 - 2004 Công tác tại Công ty Tư vấn Thiết kế Công nghiệp & Đô thị VCC - Bộ Xây dựng.
2004 - 2014 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.
2014 - 2017 Quyền Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
2017 - 2018 Ông được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
11/2018 - nay Ông là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



Ông **NGUYỄN SONG THANH**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sĩ Địa chất công trình tại Đại học Mỏ địa chất Hà Nội.
Kỹ sư địa chất công trình tại Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế hàng không.
1996 - 06/2003 Phó Giám đốc Xí nghiệp khảo sát Xây dựng, Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
2003 - 2011 Phó Giám đốc Xí nghiệp Địa kỹ thuật - Viện Nền móng và Công trình ngầm.
11/2011 - 05/2012 Trưởng phòng Địa kỹ thuật - Viện NM và Công trình ngầm.
06/2012 - 12/2013 Phó Giám đốc Viện NM và Công trình ngầm (FECON INS)
01/2014 - 04/2018 Giám đốc Viện Nền Móng và Công trình ngầm (FECON INS)
04/2018 - 05/2019 Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch GE
5/2019 - nay

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



Ông **SATOYUKI YAMANE**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1967. Quốc tịch Nhật Bản.
Cử nhân Kinh tế
1991 - 2018 Trưởng Phòng Phát triển kinh doanh, Giám đốc phát triển kinh doanh, Giám đốc Kế hoạch kinh doanh tại Raito Kogyo Co., Ltd,
2018 - nay Giám đốc Khối nước ngoài tại Raito Kogyo Co., Ltd
4/2019 - nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



Ông **PHÙNG TIẾN TRUNG**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ xây dựng.
1995 - 2010 Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) - Bộ Xây dựng.
2010 - 2011 Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế hạ tầng - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).
2004 - 2015 Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
2015 - nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC), Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế kết cấu 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).
2018 - nay Ủy viên HĐQT Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP (TEDI)



Ông **NGUYỄN HỮU THÁI HÒA**

ỦY VIÊN HĐQT

Sinh năm 1969. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sĩ Ngành Quản trị Kinh doanh tại đại học CEIBS
Kỹ sư Thiết kế nội thất & kiến trúc tại Tập đoàn Thiết kế Eppstadt, Toronto, Canada.
1994 - 1997 Giám đốc Bộ phận Phương pháp & Chất lượng công nghiệp tại Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam.
1997 đến 2001 Giám đốc Bộ phận Thí điểm Quốc tế Công ty TNHH Schneider Electric Pháp.
2001 đến 2005 Giám đốc Phương pháp & Hệ thống Chất lượng Giải pháp kinh doanh điện Schneider Hồng Kông - SEBS HK Limited. Bộ phận điều hành châu Á Thái Bình Dương.
9/2005 - 2008 Cố vấn chất lượng cấp cao của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ (MOST), Việt Nam.
3/2008 - 10/2010 Kiểm toán viên trưởng (Chứng nhận Kiểm toán viên quốc tế) Kiểm toán tư vấn trưởng của BVQI).
1999 - 2009 Giám đốc chiến lược tại FPT Group.
1/2011 - 9/2015 Giám đốc (Trung tâm khoa học tư duy) Trung tâm khoa học và công nghệ.
9/2015 - 06/2016 Phó chủ tịch Hội đồng chiến lược VNPT - kiêm GD chiến lược.
06/2016 - 05/2018 Chủ tịch của iBOSSSES VIETNAM.
6/2017 - nay Giám đốc chiến lược của VN DIRECT VN.
6/2018 - nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON
4/2019 - nay

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN VĂN THANH**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ xây dựng tại Đại học công nghệ Nanyang (NTU).
2003 - 2005 Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.
2005 - 2006 Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.
2006 - 2009 Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng - Singapore.
2009 - 2011 Tư vấn Trưởng dự án - Công ty Tư vấn CPG Singapore Ltd.
2011 - 2017 Giám đốc kinh doanh - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.
2017 Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.
11/2018 - nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.



Ông **MUÔN VĂN CHIẾN**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.
Kỹ sư Cầu hầm Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội
1994 - 2011 Công tác tại Tổng công ty Xây dựng Thăng Long
2011 - 2014 Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bắc Đô thị Hà Nội
2014 - 2016 Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng FCC
2016 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng và phát triển đô thị FECON.
Hiện Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng và phát triển đô thị FECON



Ông **PHẠM QUỐC HÙNG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm 1975. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ xây dựng Học viện Công nghệ Châu Á (AIT - Thái Lan)
1997-2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thuộc Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI)
2002-2003: Làm việc tại Công ty Penta-Ocean - Dự án thi công mở rộng Cảng Cái Lân - Quảng Ninh
2003-2005: Làm việc tại Cty Obayashi- Dự án thi công Cầu Thanh Trì Hà Nội
2006-2007: Trưởng Phòng kỹ thuật - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
2007-2010: Giám đốc kỹ thuật và quản lý thi công- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
2011-2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON - kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON
2019 - nay: Giám đốc Chất lượng, kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng dự án đầu tư năng lượng - Công ty Cổ phần FECON

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)

Ông **LÊ QUANG HANH**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1978. Quốc tịch Việt Nam.
 Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải, Tiến sĩ kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)
 Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long – Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long
 2000 - 2003
 Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải
 2003 - 2010
 2006 - 2009
 2011 - 2014
 2015 đến nay
 4/2017 đến nay
 Trợ lý nghiên cứu – ĐH Technische Universitaet Darmstadt (Đức)
 Viện Trưởng Viện Nghiên cứu và Công trình ngầm FECON
 Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.
 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON

Ông **ĐOÀN LAM TRÀ**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Maastricht school of Management.
 2000 - 2002
 2002 - 2009
 2001 - 2020
 2020 - 2021
 Kỹ sư - Công ty LILAMA 18
 Phó giám đốc Dự án - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam LILAMA
 Trưởng phòng QLDA - Tổng Công ty Xây dựng số 1
 Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần FECON. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON South.**2019-nay:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON

Ông **TẠ CÔNG THANH VINH**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ Địa chất công trình Trường Gadjah Mada Ijazah (Indonesia)
 2010 - 2013
 2013-2014
 2014 - 2016
 2016 - 2019
 Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC
 Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ GĐ DA- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
 Giám đốc kỹ thuật - Công ty Cổ phần FECON
 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần FECON South
 Hiện nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch Công ty Cổ phần FECON South.

Ông **NGUYỄN HOÀNG LONG**

GIÁM ĐỐC ĐẦU TƯ



Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ Kinh tế tài chính quốc tế tại Đại học Queensland (Australia).
 Công tác tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV).
 Công tác tại Bộ Thương mại, Vụ Châu Á Thái Bình Dương.
 2001 - 2002:
 2002 - 2008:
 2008 - 2012:
 2013 - 2014:
 2014 - 2015:
 Giám đốc khối, Công ty Chứng khoán An Bình.
 Làm việc tại Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.
 Giám đốc Tài chính, Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON/ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC.
 Ông là Giám đốc Đầu tư Công ty Cổ phần FECON đến thời điểm năm 31/12/2020

Ông **NGUYỄN QUỐC BẢO**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường Đại học Quốc gia Tam Bốp)
 2011 - 2012
 2012 - 2013
 2013 - 2018
 2018 đến nay
 Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam
 Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC
 Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON
 Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần FECON.

Ông **NGUYỄN THANH TÙNG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1981. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business
 2004 - 2005
 2005 - 2014
 2015
 2016 - 2018
 10/2018 - 11/2019
 12/2019 đến nay
 Kỹ sư Xây dựng - Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI
 Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co.
 Quản lý dự án - Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA
 Giám đốc điều hành - Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam
 Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp
 Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 2, Trưởng Ban Kỹ thuật Công ty Cổ phần FECON.

Bà **NGUYỄN THỊ NGHIÊN**

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.
 Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân
 07/2011 - 04/2015
 05/2015 - 12/2016
 05/2015 - 09/2018
 09/2018 - 08/2019
 09/2019 đến nay
 Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh.
 Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON
 Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON.
 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
 Giám đốc Tài chính, Trưởng Ban Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần FECON.

Ông **ĐỖ MẠNH CƯỜNG**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
 Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm - Đại học GTVT
 2000 - 2003
 2003 - 2005
 2005 - 2007
 08/2007 - 09/2008
 10/2008 - 09/2010
 09/2010 - 10/2014
 10/2014 - 07/2016
 07/2016 - 07/2019
 07/2019 - 05/2020
 06/2020 - Nay
 Kỹ sư thiết kế - Công ty CP TVTK Cầu lớn hầm - TEDI
 Kỹ sư cầu - Liên doanh tư vấn Nippon Koei - TEDI
 Trưởng nhóm kỹ sư Việt nam mảng kết cấu Cầu, cống, công trình trên biển.
 Kỹ sư thiết kế Công ty CP TVTK cầu lớn Hầm - TEDI
 Phó kỹ sư trưởng trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) - Liên danh tư vấn OC - TEDI - APECO
 Phó trưởng phòng Cầu 4 - Công ty CP TVTK Cầu lớn Hầm TEDI
 Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật - Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC
 Phó giám đốc - Công ty CP Hạ tầng FECON
 Giám đốc Công ty CP Hạ tầng và phát triển đô thị FECON
 Phó Tổng giám đốc - Công ty CP FECON.

BAN KIỂM SOÁT



Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG

TRƯỞNG BAN

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ kinh tế ngân hàng và tài chính (MEBF) tại CFVG do 2 trường đồng cấp: Trường quản lý Châu Âu ESCP Europe và Đại học Paris Dauphine.
2002 - 2004 Công tác tại Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào.
2004 - 2007 Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Tce Vina Denim.
2007 - 2009 Giám đốc tài chính – Tập đoàn Hà Thanh Bình, Công ty liên doanh Vinastone.
2009 - 2014 Giám đốc Công ty liên doanh Vinastone, Tp. Hồ Chí Minh.
4/2015 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON



Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH

THÀNH VIÊN BKS

Sinh năm 1991. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ Kinh tế (chuyên ngành: Kế toán) – Học viện Tài chính
2013 - 2014 Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế IFC.
2014 - 2015 Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
2015 - 2018 Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.
4/2019 đến nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP FECON



Ông TRẦN CÔNG TRÁNG

THÀNH VIÊN BKS

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.
Cử nhân Kinh tế tại trường ĐH Thương mại Hà Nội.
01/2000 - 12/2002 Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Công ty Vận tải và Xây dựng đường thủy nội địa.
01/2003 - 05/2008 Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22- Tổng công ty HANDICO - Kiểm Kế toán trường Xí nghiệp xây dựng 5.
1/2008 - 6/2011 Phó phòng kế toán Công ty xây dựng số 3 Hà Nội - Tập đoàn BRG. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Nhiệt Đới.
T7/2011 - T7/2013 Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Lâm.
07/2013 - 10/2014 Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty kiểm toán Vietin.
2018 - 2/2019 Trưởng phòng kế toán tại Công ty CP Tư vấn kỹ thuật Hạ tầng Golden Earth
2/2019 đến nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
4/2019 đến nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần FECON.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

A. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Năm 2020, FECON tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự tập trung, trong đó việc thiết kế hệ thống quản trị nhân sự được thực hiện tại Công ty mẹ, áp dụng triển khai đồng bộ và linh hoạt tại các Công ty thành viên, bước đầu đã tạo ra một hệ thống xuyên suốt, tạo dựng môi trường làm việc công bằng và cạnh tranh lành mạnh trong toàn Tập đoàn.

Hệ thống đánh giá và quản trị thành tích của FECON tiếp tục được hoàn thiện. Thông qua cơ chế giao mục tiêu KPI đối với các Công ty thành viên và từng phòng ban chức năng, chính sách thưởng hiệu quả của FECON được áp dụng trên nguyên tắc tôn trọng kết quả KPI đã được giao từ đầu năm, đồng thời lấy đó làm căn cứ đánh giá, xếp loại, bình xét các danh hiệu khen thưởng định kỳ và quy hoạch đội ngũ.

Xác định mọi nỗ lực cống hiến và kết quả công việc của cán bộ công nhân viên đều được ghi nhận, phản hồi và có những khuyến khích động viên kịp thời. Năm vừa qua, FECON tiếp tục áp dụng cơ chế trả lương theo đánh giá xếp loại hàng tháng và lương sản phẩm tại các Ban dự án. Nhằm xây dựng văn hóa hiệu suất cao cùng với chế độ đãi ngộ xứng đáng theo 3Ps, FECON đang thực hiện cải tiến chính sách lương bằng việc hoàn thiện hệ thống đánh giá vị trí chuẩn toàn Tập đoàn, đánh giá năng lực theo khung năng lực và đánh giá kết quả công việc dựa trên hệ thống KPI cá nhân, trong đó ưu tiên chi trả lương năng suất trên cơ sở kết quả đánh giá KPI cá nhân và bộ phận, dự kiến áp dụng từ quý 2/2021.

Năm 2020, trong bối cảnh kinh tế khó khăn chung bởi dịch bệnh Covid 19, các chương trình khen thưởng, phúc lợi khác như thưởng thành tích, thưởng sáng kiến, khám sức khỏe định kỳ, các sự kiện quan trọng dành cho Người lao động (ngày 8/3, 1/6, Trung thu, 20/10...) và các hoạt động thăm hỏi, động viên, chia sẻ tới từng cá nhân và gia đình người lao động (27/7, gia đình khó khăn), ... vẫn được duy trì và trở thành những hoạt động thường niên mang màu sắc, ý nghĩa và giá trị tốt đẹp của người FECON.

B. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ THÔNG QUA ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ HIỆU SUẤT

Trong năm 2020, FECON tiếp tục duy trì chính sách cạnh tranh để thu hút nhân sự chất lượng cao, và đẩy

mạnh công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự hiện có nhằm chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực thích nghi với sự chuyển mình của FECON trong giai đoạn chiến lược 2020 – 2025.

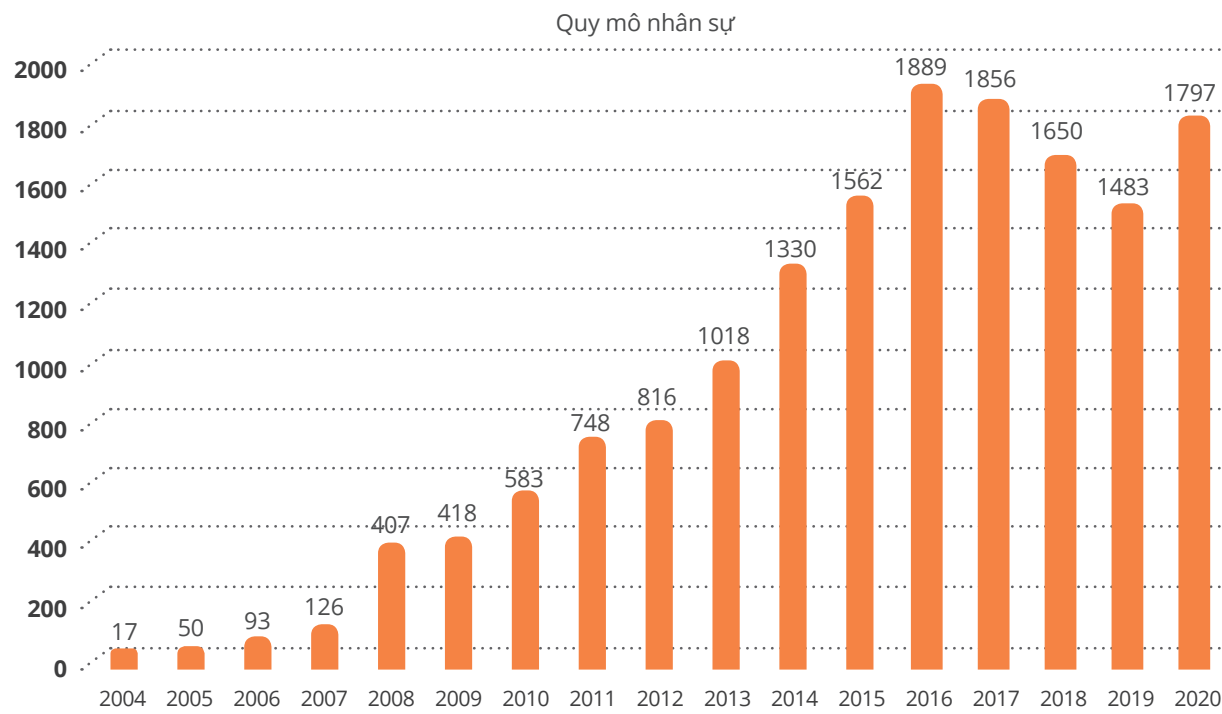
Chương trình phát triển lực lượng Quản lý dự án PMP2020 tiếp tục được cải tiến, thu thập và chia sẻ nhiều thông tin hữu ích về thực trạng, giải pháp và các ý tưởng liên quan đến công tác QLDA. Phương pháp đào tạo theo mô hình các cặp Thầy – Trò tiếp tục được áp dụng trong chương trình PMP2020 đã phát huy trách nhiệm của các cấp lãnh đạo/quản lý trong việc phát triển đội ngũ kế cận về QLDA. Bên cạnh đó, Chương trình đã tổ chức thành công 3 lớp đào tạo nội bộ thuộc chương trình PMP cho đội ngũ QLDA ở cả Hà Nội và Hồ Chí Minh (về Quản lý dự án, Quản lý nhân sự, Quản lý chất lượng); phát triển mới được đội ngũ GVNB đáp ứng quy chuẩn về GVNB tập đoàn.

Bên cạnh đó, nhiều chương trình đào tạo dành cho CBNV cũng được chú trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng lực lượng lao động FECON tinh nhuệ, chuyên nghiệp. Các khóa học được tổ chức đồng thời bởi hai hình thức nội bộ và mời giảng viên uy tín bên ngoài, bao gồm: “Động viên truyền cảm hứng”, “Coaching”, “Quản trị hiệu suất”, “Revit cơ bản”, “Hướng dẫn và triển khai Dự án loại bỏ lãng phí trên toàn hệ thống”... và các khóa học chuyên môn theo chức năng để cập nhật kiến thức và các chính sách mới, văn bản qui định của Pháp luật, bao gồm “Đào tạo chính sách Thuế TNCN”, “Cập nhật luật lao động”,... cũng như các chương trình đào tạo kỹ năng mềm như “Giao tiếp và đàm phán thương lượng”, “Làm việc nhóm”,... giúp các CBNV công ty được bồi dưỡng, phát triển toàn diện.

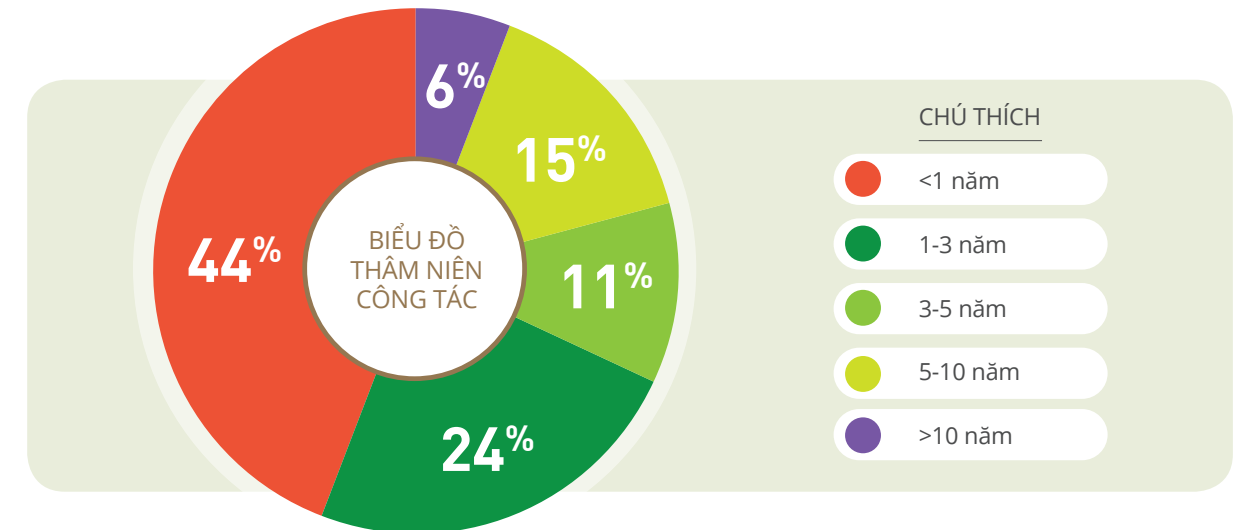
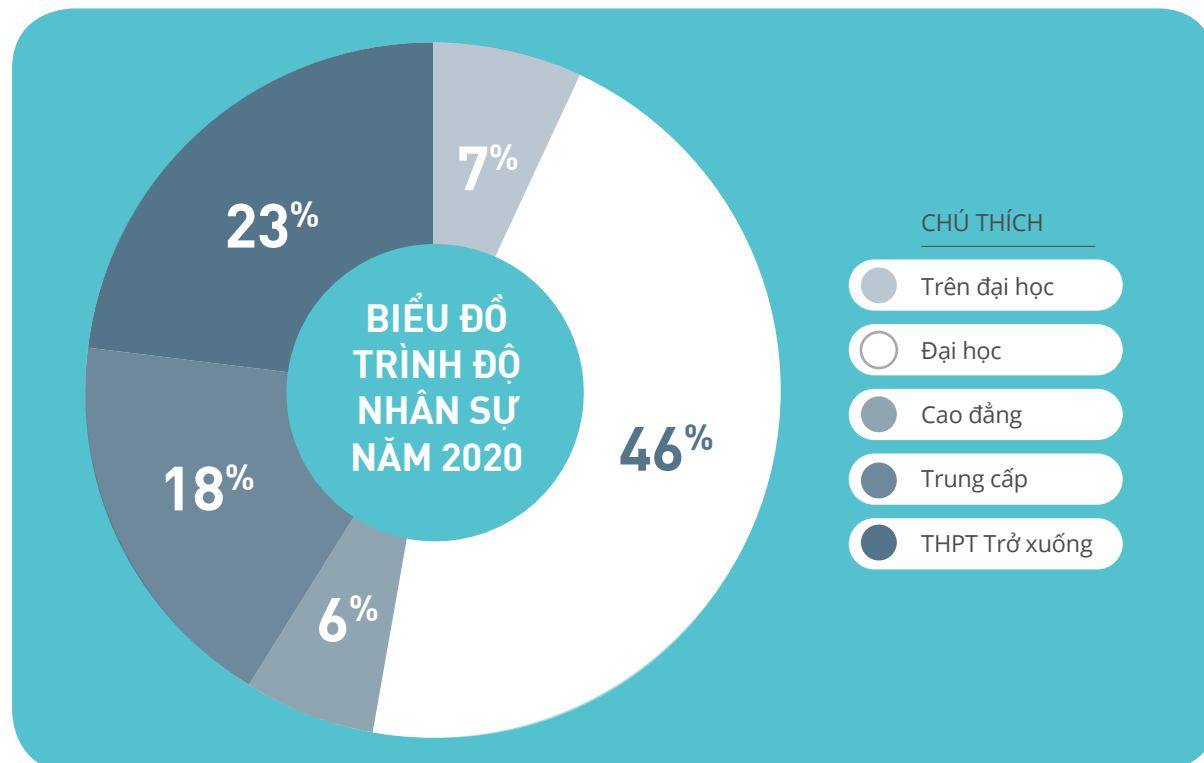
Chương trình Manager Summit thường niên được tổ chức với chủ đề “Quản lý sự thay đổi” xoay quanh các nội dung quản lý sự thay đổi về tổ chức, con người, quy trình, phát triển tư duy tổng thầu cho đội ngũ quản lý dự án... Chương trình là cơ hội để đội ngũ lãnh đạo, quản lý cùng chia sẻ thẳng thắn đưa ra các giải pháp cho các vấn đề còn tồn đọng của doanh nghiệp, xây dựng định hướng phát triển, tối ưu hóa các thế mạnh của FECON trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược phát triển công ty 2020 - 2025.

Tới đây, năm 2021 được kỳ vọng là một năm sôi động với các hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài diễn ra liên tục, thể hiện đúng tinh thần của FECON - Một tổ chức không ngừng học tập và phát triển.

QUY MÔ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM



Tổng số nhân sự tại FECON năm 2020 là 1797 người, tăng 21,2% so với năm 2019 do năm 2020 số lượng lớn các Dự án quy mô lớn được triển khai cùng lúc, nhu cầu về nguồn lực tăng cao mới đáp ứng được tốc độ phát triển của Công ty.



Tổng số lao động có bằng cấp chuyên môn và tay nghề cao của FECON chiếm gần 80% tổng số nhân sự đang làm việc tại FECON. Tỷ lệ CBNV có thâm niên lâu năm chiếm trên ½ tổng số lượng lao động.

Tổng số lượng lao động chính thức, có hợp đồng dài hạn là 1.281 người, tập trung 72% ở khối quản lý dự án, thi công xây dựng. FECON tự hào có đội ngũ lãnh đạo quản lý được đào tạo và trang bị kiến thức, phương pháp quản lý khoa học, có lực lượng nhân sự với năng lực chuyên môn vượt trội và đội ngũ thợ lành nghề, làm chủ thiết bị máy móc kỹ thuật công nghệ cao.

• Các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Năm 2020 vẫn tiếp tục duy trì các chương trình hành động phát triển văn hóa doanh nghiệp với bản sắc của 5 giá trị cốt lõi FECON. Bên cạnh các hoạt động hàng tháng như tạp chí Để mền chinh phục, bản tin newfeed, nhằm giúp cho mỗi CBNV có nhiều trải nghiệm hơn để THẨM VÀ NGẤM một cách tự nhiên nhất Văn hóa FECON, Bản C.O.C đã ra đời với nhiều nội dung phong phú xung quanh 5 Giá trị cốt lõi của FECON,

là cầu nối truyền tải, lan tỏa các thông điệp văn hóa tới mỗi Người FECON.

Các chương trình giao lưu thể thao văn nghệ, các chương trình tri ân gia đình thương binh liệt sĩ, thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó... tiếp tục được duy trì và là nét văn hóa đặc trưng của FECON. Năm 2020, sự kiện Tết Yêu Thương được tổ chức bởi Công ty CP FECON, Chủ đầu tư UPC, Đại học Y Dược Cần thơ, UBND Xã Hòa đông - Vĩnh Châu - tỉnh Sóc Trăng với mong muốn nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cộng đồng tại địa phương, quan tâm giúp đỡ đến các hộ gia đình khó khăn, gia đình chính sách, học sinh nghèo vượt khó tại địa phương, đem không khí Tết cổ truyền tới người dân địa phương và anh em kỹ sư, công nhân làm việc tại Dự án, đồng thời cũng là dịp để ghi nhận các kỹ sư, công nhân tiêu biểu hiện đang làm việc tại Dự án UPC đã thành công vang dội và gây được ấn tượng mạnh với cộng đồng địa phương. Đây chính là yếu tố gắn kết và tạo nên khối sức mạnh bền vững để FECON với sứ mệnh của mình, vững bước trên con đường chinh phục các mục tiêu đã đặt ra theo Tầm nhìn chiến lược mới.





PHẦN 04

VƯỢT BÃO THÀNH CÔNG

- 44 Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 58 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 62 Báo cáo quản trị rủi ro
- 64 Báo cáo phát triển bền vững

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



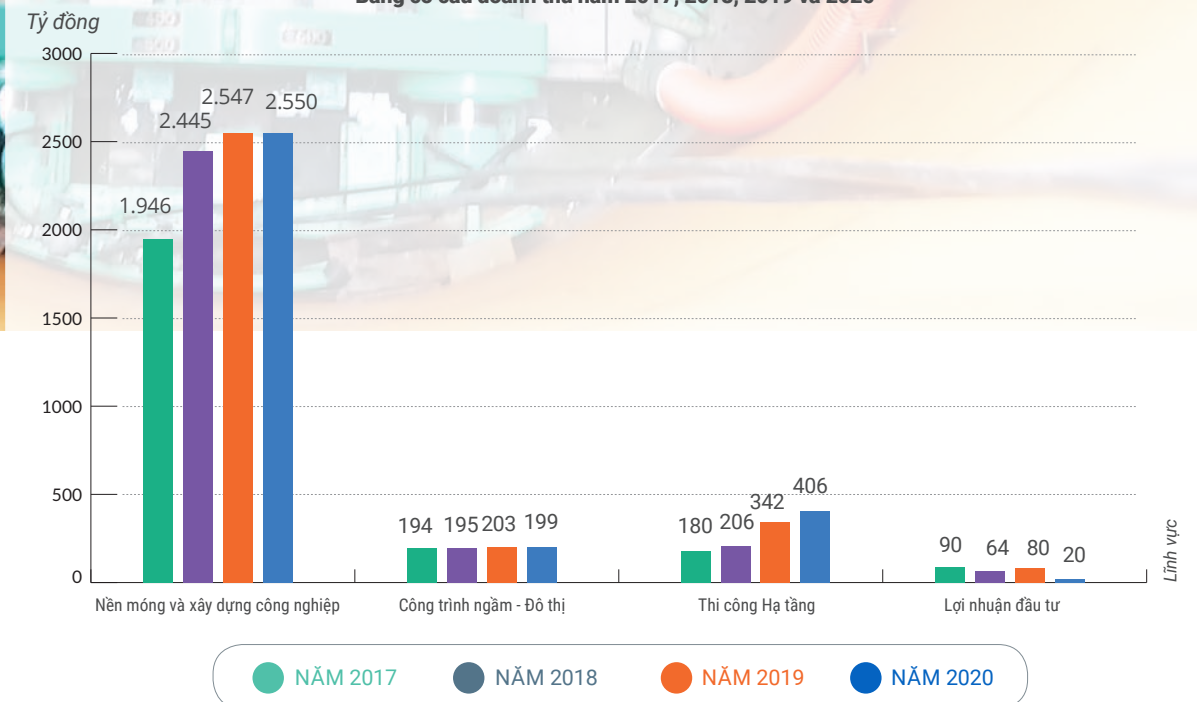
A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Năm 2020 tiếp tục là một năm để lại dấu ấn trong việc thực hiện chiến lược 2019-2025 với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam. Cơ cấu doanh thu theo 3 lĩnh vực kinh doanh chiến lược bao gồm: Nền móng và xây dựng Công nghiệp; Ngầm - Đô thị; Thi công Hạ tầng từ năm 2017 đến nay như sau:

Bảng doanh thu năm từ năm 2017 đến nay

TT	Doanh thu	2017	2018	2019	2020
1	Nền móng và xây dựng Công nghiệp	1.946	2.445	2.547	2.550
2	Ngầm - Đô thị	194	195	203	199
3	Thi công Hạ tầng	180	206	342	406
TỔNG CỘNG		2.320	2.846	3.092	3.154
	Lợi nhuận đầu tư	90	64	80	20

Bảng cơ cấu doanh thu năm 2017, 2018, 2019 và 2020



Mặc dù vẫn còn chịu nhiều yếu tố bất lợi từ thị trường, nhưng 2020 là năm FECON không chỉ giữ vững được sự hiện diện của thương hiệu trên thị trường Nền móng truyền thống mà còn phát triển mảng chiến lược mới theo chiến lược đã đề ra là xây dựng công nghiệp/năng lượng và công trình ngầm. Giá trị ký hợp đồng đạt kỷ lục **5.860 tỷ** với tỷ trọng hơn 60% giá trị nằm ở hai mảng quan trọng này là minh chứng rõ ràng cho sự chuyển dịch mang tính chiến lược của Công ty trong bối cảnh mảng truyền thống đã bị cạnh tranh gay gắt với tỷ suất lợi nhuận gộp không cao.

1. Tổng giá trị ký hợp đồng trong năm 2020 đạt 5.860 tỷ, tăng trưởng 42% so với cùng kỳ 2019 (4100 tỷ), hoàn thành 105% kế hoạch năm (5600 tỷ).
Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2020 đạt 3154 tỷ, tăng trưởng nhẹ 2,2% so với cùng

kỳ năm 2019 (3092 tỷ), đạt 80% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 133 tỷ hoàn thành 62% kế hoạch năm và giảm 32% so với năm 2019.

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh khi hầu hết các doanh nghiệp xây dựng có kết quả giảm từ 30-50% thì kết quả tăng trưởng dương cũng như giá trị ký hợp đồng kỷ lục của FECON cũng cho thấy nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty.

Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thi công hoàn thành hơn 98% kế hoạch mục tiêu với tỉ suất lợi nhuận gộp đạt gần 15% so với chỉ 14% của năm 2019 đã phần nào thể hiện sự đúng đắn khi chuyển dịch sang những mảng chiến lược mới với tỉ suất lợi nhuận gộp cao hơn. Lý do chính của tổng lợi nhuận sau thuế cả năm là 133 tỷ, không đạt mục tiêu 233 tỷ theo kế hoạch đến từ sự thiếu hụt lợi nhuận từ mảng Đầu tư. Ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh khiến việc hợp tác và các giao dịch đầu tư chưa kịp hoàn thành để có thể đóng góp vào lợi nhuận chung của tập đoàn. Tuy nhiên, Mảng đầu tư cũng để lại những thành quả tích cực như việc hoàn thành thủ tục và đi vào triển khai dự án đầu tư Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng 30 MW với TMĐT gần 1400 tỷ đồng, thực hiện phát triển 04 dự án điện gió & mặt trời lớn tại Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai; bước đầu thành công các thủ tục phát triển dự án Bất động sản đô thị và Công nghiệp lớn tại Hưng Yên, Thái Nguyên, Bắc Giang.

2. Cơ cấu tài sản

Tính đến ngày 31/12/2020, Tổng tài sản của Công ty đạt 6.780 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2019, trong đó tốc độ tăng trưởng của tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt đạt mức 23,4% và 6,7%.

• Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 18%, hàng tồn kho tăng 52 % theo sự tăng trưởng của quy mô doanh thu, sản lượng. Khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho tăng chủ yếu do

các dự án trọng điểm lớn như điện gió B&T Quảng Bình, Điện gió Thái Hòa, Hóa dầu Long Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn 2 và các dự án lớn khác với giá trị nghiệm thu trên 800 tỷ ghi nhận doanh thu trong quý IV/2020 và giá trị sản lượng lớn chưa được nghiệm thu tại các dự án này.

• Tài sản dài hạn của Công ty tăng 6,7% trong năm 2020 do Công ty gia tăng giá trị đầu tư vào các dự án điện gió.

3. Cơ cấu nợ phải trả:

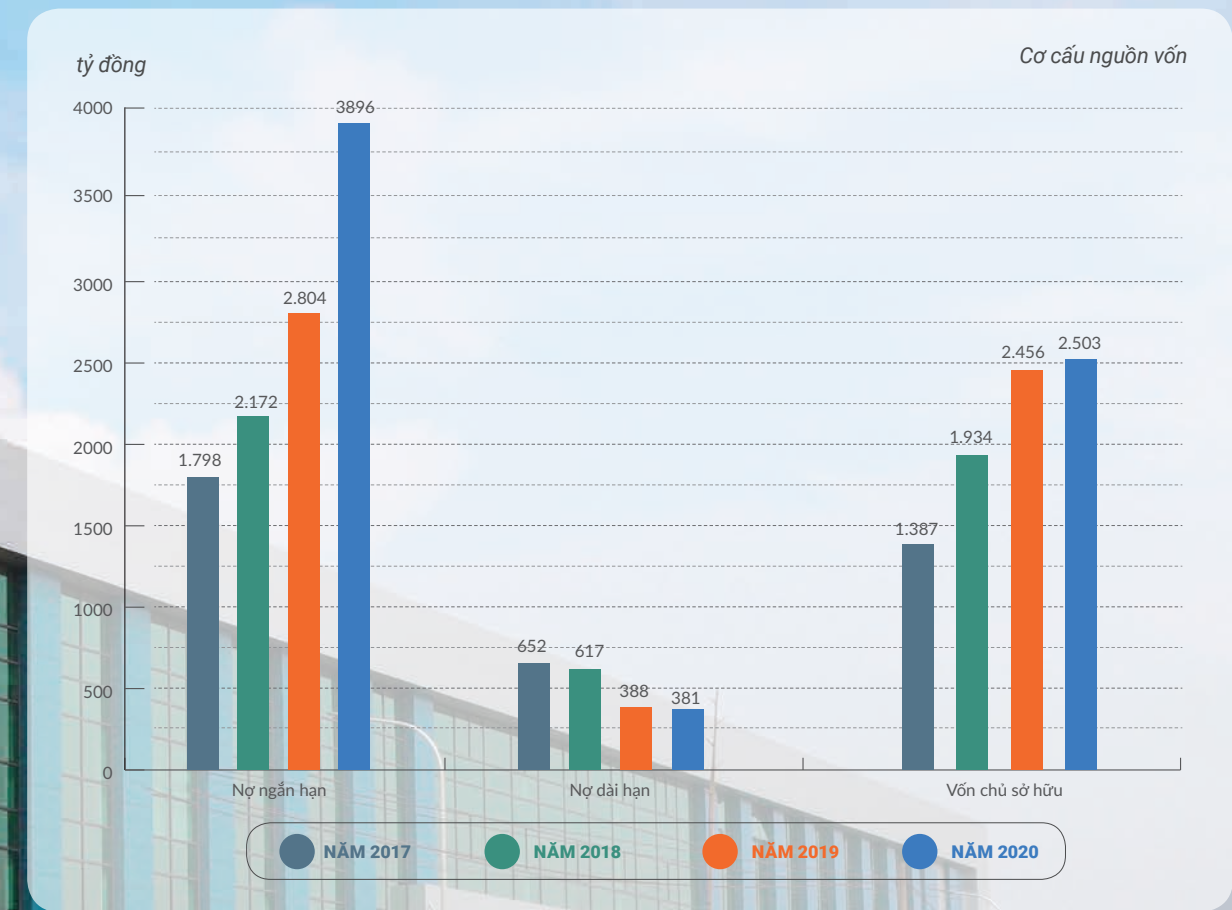
• Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2020 là 4.277 tỷ đồng, tăng 34% so với đầu năm, chiếm 63% Tổng nguồn vốn. Nguyên nhân chủ yếu là do:

(1) Quy mô nợ ngắn hạn tăng 38,9% trong đó phải trả người bán và chi phí phải trả tăng cao do huy động nguồn lực lớn để đem giá trị thi công các công trình lớn thực hiện vào thời điểm cuối năm;

(2) Nợ dài hạn giảm -1,7% do doanh thu chưa thực hiện giảm 6%.

• Tình hình thanh khoản của FECON ở mức khá an toàn khi các chỉ số thanh khoản nhanh và hiện hành lần lượt đạt 1,43 và 1,16 lần, luôn giữ mức ổn định và an toàn qua các năm.

• Trong năm 2020, FECON không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, được các tổ chức tín dụng, đối tác đánh giá ở mức tín nhiệm cao và duy trì trạng thái tài chính lành mạnh, ổn định và bền vững trong dài hạn





B. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác phát triển tổ chức

Hoạt động điều hành Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và đảm bảo tính ổn định liên tục trước bối cảnh còn nhiều khó khăn như hiện nay.

Công ty phát triển theo định hướng chiến lược đã đề ra và xây dựng chiến lược giai đoạn mới (2020-2025), với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc theo hướng chuyên môn hoá rõ rệt, lực lượng lao động trực tiếp được đưa về các công ty thành viên để đảm nhiệm các công việc mang tính chuyên sâu. Tại công ty mẹ, lực lượng quản lý được tổ chức theo các Ban dự án chuyên nghiệp theo 3 mảng kinh doanh, cùng các Ban chức năng trong công ty từng bước quản lý tập trung các vấn đề quan trọng như Thương hiệu & VHDN, Nhân sự, Tài chính, Cung ứng, Kỹ thuật và Quản trị dự án từ cấp 2 (từ 150 tỷ) trở lên.

Hoạt động kinh doanh

Năm 2020 là năm đầu tiên của việc thực hiện chiến lược 2020-2025 nhưng cũng là năm chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, đây cũng là năm mà các doanh

nh nghiệp xây dựng phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường như: không có dự án triển khai mới, các nhà thầu cùng lĩnh vực thiếu việc dẫn đến cạnh tranh khốc liệt... cùng những điều kiện không thuận lợi của môi trường kinh doanh liên quan đến cơ chế thu hút đầu tư, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách tín dụng ngày càng siết chặt đối với các dự án hạ tầng và bất động sản...

Trong bối cảnh đó, với nền tảng xuất sắc về nền móng và công trình ngầm, FECON vẫn duy trì được vị thế, ổn định hoạt động kinh doanh, mặc dù lợi nhuận không cao nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động trong Công ty. Các công trình do FECON thi công và đầu tư đều đảm bảo yêu cầu về chất lượng tiến độ & an toàn, vì vậy luôn được Chủ đầu tư đánh giá cao, ngày càng khắc sâu hình ảnh FECON là Nhà thầu, Nhà đầu tư uy tín trên thị trường. Doanh số ký hợp đồng đạt trên 105% kế hoạch năm.

2. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận còn khá khiêm tốn so với kỳ vọng của cổ đông nhưng Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, bao gồm:

- Đối với công tác phát triển kinh doanh: duy trì vị thế dẫn đầu của 03 mảng kinh doanh cốt lõi, từng bước chuyển dịch sang mô hình nhà thầu chính/tổng thầu; vươn mình ra thị trường quốc tế, triển khai các dự án ở Myanmar, Phillipines. Ban Tổng giám đốc đều được giao nắm những trọng trách quan trọng trong việc phát triển các mảng kinh doanh theo chiến lược mới đã đặt ra.

- Đối với công tác quản lý dự án: áp dụng mạnh các biện pháp kiểm soát chi phí, tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, biện pháp thi công tại các dự án. Với các dự án cấp 2 trở lên tập đoàn đã triển khai quản lý dự án tập trung từ khâu tiếp cận chào thầu đến quản lý dự án và cung ứng máy móc nguyên vật liệu; Tuy nhiên, việc công tác cung ứng tại hiện trường cho các dự án vẫn xảy ra tình trạng chậm, đây là một trong những điểm cần tăng cường để đáp ứng mô hình Tổng thầu đã hướng đến trong những năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động tài chính: Mặc dù còn đang gặp phải những vấn đề trong công tác quản trị tài chính nói chung nhưng Ban điều hành đã rất tích cực trong công tác thu hồi, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, thúc đẩy dòng tiền từ các dự án, cơ cấu lại khoản mục đầu tư theo định hướng chiến lược. Trong bối cảnh siết chặt tín dụng ngân hàng đối với các loại dự án hạ tầng & bất động sản, việc các Chủ đầu tư và các Tổng thầu chiếm dụng vốn là không thể tránh khỏi, tuy nhiên năm 2020 Tổng giám đốc cùng Ban quản lý chi phí & dòng tiền của công ty đã chủ động tích cực trong việc thu hồi công nợ, giải quyết được nhiều khoản phải thu đã kéo dài trong nhiều năm, đặc biệt các dự án thực hiện trong năm 2020 được thu hồi tương đối tốt;

- Đối với hoạt động đầu tư: Bên cạnh việc chuyển dịch chiến lược kinh doanh, củng cố và phát triển sản phẩm truyền thống, FECON đã bắt nhịp được xu hướng đầu tư đối với các dự án năng lượng tái tạo và đẩy mạnh mảng Bất động sản, khu công nghiệp. Năm 2020 mặc dù chưa thu được thành quả lợi nhuận từ đầu tư nhưng danh mục dự án đầu tư của FECON đang trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư khi đi vào triển khai dự án Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng 30 MW với TMĐT gần 1400 tỷ đồng. Bên cạnh đó là các dự án năng lượng tái tạo tại Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu cũng đang trong giai đoạn hoàn thành thủ tục bổ sung quy hoạch, các dự án Bất động sản và Khu công nghiệp lên tới 1000 ha tại các Tỉnh Hưng Yên, Thái Nguyên và Bắc Giang cũng đang gấp rút được triển khai.

- Đối với công tác vận hành tổ chức: Từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025; Bước đầu triển khai các hành động chiến lược ưu tiên, đặt nền móng cho năm bản lề tiến đến sự phát triển của Tập đoàn giai đoạn mới.

Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và hiệu quả. Trong quá trình quản lý điều hành, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ cũng như quyết định của HĐQT.

Đặt trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, HĐQT ghi nhận kết quả mà Ban điều hành đã đạt được trong năm qua. Ban Điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, tinh thần tự giác kỷ luật, phát triển tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, đồng thời củng cố phát huy điểm mạnh trong phát triển kinh doanh và quản lý hiệu quả dự án.

3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1 Tổ chức Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị năm 2020

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019 đã phê duyệt HĐQT FECON nhiệm kỳ 2019-2024 với các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYỂN TRÁCH	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	ĐỘC LẬP
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	X		
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	X		
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực	X		
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên		X	
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên		X	
6	Phùng Tiến Trung	Ủy viên		X	
7	Phạm Trung Thành	Ủy viên			X
8	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên			X
9	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên			X

b. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

Thường trực HĐQT được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT.FECON của HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2019, là cơ quan được HĐQT giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phục vụ công tác chỉ đạo giám sát điều hành hàng ngày, chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT sau khi được thành lập đã triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban Điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty là 06 thành viên, bao gồm: Ông Phạm Việt Khoa, Ông Hà Thế Phương, Ông Trần Trọng Thắng, Ông Hà Thế Lộng, Ông Phạm Trung Thành và Ông Phùng Tiến Trung.

Ngoài ra, trong năm 2020, các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý khác của Công ty cũng được tham gia các khóa đào tạo nội bộ thường kỳ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty. Các hoạt động này không chỉ cung cấp những kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao nhận thức về các giá trị nền tảng của công việc giúp việc quản trị Công ty hiệu quả hơn.

3.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2020, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và

các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và đưa ra chủ trương về tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác với các nội dung chính như sau:

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Quý I/2020	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Góp vốn thành lập và cử người đại diện quản lý vốn tại Công ty cổ phần Năng lượng Côn Đảo Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Thành lập Ban R&D và bổ nhiệm Trưởng Ban Thành lập Ban Đảm bảo chất lượng và bổ nhiệm Quyền Trưởng Ban Bổ nhiệm Trưởng Ban Xây dựng dân dụng và Công nghiệp 1 Bổ nhiệm Giám đốc chất lượng Giao nhiệm vụ các Phó Tổng Giám đốc theo chiến lược mới Ban hành sơ đồ tổ chức mới Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ Thông qua chủ trương và phương án mua lại cổ phiếu quỹ Thành lập Ban Quan hệ nhà đầu tư và phát triển thị trường vốn Thành lập Ban xây dựng công nghiệp 3
Quý II/2020	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành quy chế quản trị cung ứng tập trung Ban hành quy chế quản lý thương hiệu Ban hành quy chế quản lý dự án tập trung Kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách thi công hạ tầng Thành lập Ban Hạ tầng giao thông Thành lập Ban Kinh tế đầu thầu Phía Nam Thay đổi một số vị trí lãnh đạo các công thành viên
Quý III/2020	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành cập nhật phân cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty cổ phần FECON Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty FCP Lựa chọn CPA làm đơn vị kiểm toán năm 2020 Ban hành quy chế quản trị nhân sự tập trung Ban hành quy chế đào tạo tập trung Thông qua thỏa thuận hợp tác dự án Quốc Vinh Sóc Trăng Ban hành quy chế quản trị hành chính tập trung Sáp nhập Ban Kế toán và Ban Tài chính làm Ban Tài chính kế toán Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hồng Luyến
Quý IV/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2020 lần thứ hai Thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ Công ty

3.3. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

• Thường trực Hội đồng quản trị:

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT.FECON của Hội đồng quản trị ngày 27 tháng 04 năm 2019, là cơ quan được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT sau khi được thành lập triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bên cạnh đó TT HĐQT là cơ quan thường trực trong nhiệm vụ xây dựng chiến lược giai đoạn 2020-2025 và các chương trình xây dựng văn hoá doanh nghiệp, phát triển lực lượng lãnh đạo quản lý công ty.

• Người phụ trách về nhân sự và lương thưởng:

Hội đồng quản trị cử 01 Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề nhân sự và lương thưởng. Cùng với các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành khác năm 2020, Người phụ trách về nhân sự và lương thưởng đã hoạt động tích cực và đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, như sau:

- Góp ý về chính sách lương, thưởng do Hội đồng quản trị đưa ra;
- Góp ý đối với nội dung đề xuất về định mức lương, thưởng đối với cán bộ quản lý;
- Định kỳ đánh giá quy mô và cơ cấu lương, thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác; và
- Kịp thời đưa ra các khuyến nghị và đề xuất thay đổi cần thiết có liên quan.

3.4. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập (không điều hành)

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của HĐQT. Các hoạt động của các thành viên HĐQT không điều hành trong năm như sau:

a. Về chiến lược: Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược của Công ty giai đoạn 2020-2025 đặc biệt ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của công ty và đồng hành cùng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt trong thời gian xây dựng và khởi động triển khai chiến lược;

b. Về kiểm soát hoạt động của Ban Điều hành: Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch và kết quả hoạt động của Ban Điều hành trong việc đạt được những mục đích, mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến đầy trách nhiệm, có tính phản biện vào tất cả các ý tưởng đầu tư;

c. Về kiểm soát rủi ro: Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động SXKD của công ty, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty; và

d. Về nhân sự: Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.



3.5. Đánh giá tính tuân thủ trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, chất lượng quản trị và tính kỷ luật trong công ty được đề cao, HĐQT đã luôn tự giác hành động tuân thủ mọi quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và thông lệ quốc tế, HĐQT là những tấm gương cho Ban điều hành về sự liêm khiết và minh bạch bằng những hoạt động cụ thể như sau:

a. HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ. Đảm bảo yêu cầu về số lượng các cuộc họp cũng như số thành viên tham dự nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp;

b. HĐQT, TT HĐQT giám sát sát sao việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Nghị quyết ĐHCĐ cũng như việc xây dựng, thực hiện mục tiêu chiến lược 2020-2025;

c. Công tác quản trị luôn được minh bạch hóa, 03 thành viên HĐQT độc lập đều là những thành viên có kinh nghiệm, uy tín trong lĩnh vực phụ trách. Vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi và của cổ đông nói chung và cổ đông thiểu số nói riêng;

d. Các tiểu ban/bộ phận trực thuộc HĐQT như Thường trực HĐQT, thành viên phụ trách nhân sự và lương thưởng định kỳ thực hiện đánh giá, giám sát chính sách quản trị công ty cũng như các chính sách liên quan đến lương thưởng của thành viên HĐQT, Ban điều hành theo đúng quy định; và

e. Các Thành viên HĐQT liên tục cập nhật, nâng cao kiến thức thông qua việc tham gia các khóa đào tạo về Quản trị chiến lược, Quản lý rủi ro, và các chuyên đề về Hệ thống quản lý công ty, Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp...

3.6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO (VNĐ/THÁNG) ⁽¹⁾		SỐ THÁNG ÁP DỤNG (THÁNG) ⁽²⁾	TỔNG THÙ LAO NĂM 2020 (VNĐ)
			Thành viên chuyên trách	Thành viên không chuyên trách		
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	150.000.000	-	12	1.800.000.000
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	90.000.000	-	12	1.080.000.000
3	Trần Trọng Thắng	P. Chủ tịch thường trực	90.000.000	-	12	1.080.000.000
4	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
6	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
8	Phạm Trung Thành	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên	-	30.000.000	12	360.000.000
Tổng cộng (I)						6.120.000.000
BAN KIỂM SOÁT						
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	90.000.000	-	12	1.080.000.000
2	Trần Công Tráng	Thành viên	-	30.000.000	12	360.000.000
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	-	30.000.000	12	360.000.000
Tổng cộng (II)						1.800.000.000
TỔNG CỘNG (I) VÀ (II)						7.920.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU (CP)	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU (CP)	TỶ LỆ (%)	
1	Phạm Quốc Hùng	Người nội bộ	428.531	0,35	328.531	0,26	Bán cổ phiếu
2	Tạ Công Thanh Vinh	Người nội bộ	33.967	0,03	7	0,00	Bán cổ phiếu
3	Hà Thế Phương	Người nội bộ	1.309.715	1,09	1.059.715	0,84	Bán cổ phiếu
4	Phạm Thành Trung	Người nội bộ	35.434	0,02	4	0,00	Bán cổ phiếu
5	Phạm Minh Huệ	Người có liên quan	113.535	0,09	58.535	0,05	Bán cổ phiếu

3.7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

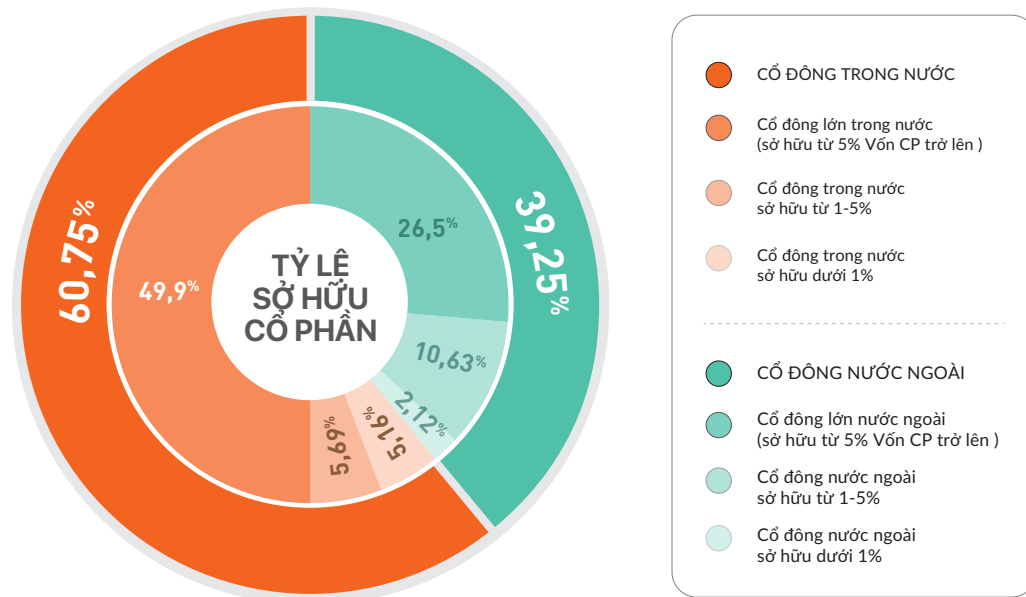
a) Cổ phần:

- **Tổng số cổ phần:** 125.439.005 cổ phần phổ thông,
- **Tổng số cổ phần đang lưu hành:** 125.439.005 cổ phần phổ thông,
- **Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:** 125.439.005 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 17/03/2021

Tỷ lệ sở hữu cổ phần

STT	ĐỐI TƯỢNG	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG CỘNG	TỶ LỆ % VDL
		SỐ LƯỢNG CD	SỐ CP	TỶ LỆ % VDL	SỐ LƯỢNG CD	SỐ CP	TỶ LỆ % VDL		
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0,00
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% Vốn CP trở lên)	1	6.478.804	5,16	2	33.237.682	26,50	39.716.486	31,66
3	Cổ đông sở hữu từ 1%-5%	3	7.135.817	5,69	3	13.332.583	10,63	20.468.400	16,32
4	Cổ đông sở hữu dưới 1%	5.559	62.590.377	49,90	119	2.663.742	2,12	65.254.119	52,02
5	Cổ đông khác	0	0	0,00	0	0	0,00	0	0,00
TỔNG CỘNG		5.563	76.204.998	60,75	124	49.234.007	39,25	125.439.005	100



• Cơ cấu cổ đông

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG		TỶ LỆ (%)
		CỔ ĐÔNG	CỔ PHIẾU (CP)	
1	Cổ phiếu Quỹ	0	0	0
2	Cổ đông trong nước	5.563	76.204.998	60.75
2.1	Tổ chức	46	1.783.765	1.42
2.2	Cá nhân	5.517	74.421.233	59.33
3	Cổ đông nước ngoài	124	49.234.007	39.25
3.1	Tổ chức	29	47.297.247	37.71
3.2	Cá nhân	95	19.36.760	1.54
Tổng		5.687	125.439.005	100

• Danh sách cổ đông lớn

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Phạm Việt Khoa	P524-CT4 - ĐT,Mễ Trì - Mỹ Đình - Từ Liêm - HN	6.478.804	5,16
2	CÔNG TY CP RAITO KOGYO	4-2-35 Kudankita. Chiyoda ku. Tokyo	24.167.682	19,27
3	EVLI EMERGING FRONTIER FUND	Aleksanterinkatu 19A, P.O. Box 1081 00101 Helsinki. FINLAND	9.070.000	7,23
Tổng cộng			39.716.486	31.7

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Có

TT	MÃ CK	TRƯỚC GD	ĐĂNG KÝ				THỰC HIỆN			SAU GD	NGUỒN VỐN THỰC HIỆN
			KLGD	TỪ NGÀY	ĐẾN NGÀY	KLGD	TỪ NGÀY	ĐẾN NGÀY			
1	FCN	0	6,000,000	06/05/2020	05/06/2020	1,509,570	06/05/2020	05/06/2020	1,509,570	Thặng dư vốn cổ phần	
2	FCN	1,509,570	-1,509,570	07/01/2021	06/02/2021	-1,509,570	07/01/2021	01/02/2021	0		

e) Các chứng khoán khác: Không có.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu: hoạt động sản xuất, thương mại, đầu tư và xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề. HĐQT đã xây dựng các kịch bản ứng phó với các tác động của dịch bệnh, củng cố và duy trì sự phát triển ổn định của FECON, tích lũy nội lực để tạo đà tăng trưởng trong tương lai ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, toàn Tập đoàn cần tập trung sáng tạo, tận dụng các cơ hội của thị trường, HĐQT cùng Ban điều hành công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao tỷ trọng doanh thu các mảng kinh doanh theo định hướng chiến lược;
- Phát triển thương hiệu và xây dựng hình ảnh tổng thầu chuyên nghiệp, cung cấp giải pháp tổng thể tối ưu, quản lý dự án chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế;
- Nâng cao nền tảng tài chính, đẩy mạnh đầu tư dự án và quản lý nguồn vốn hiệu quả.
- Lan tỏa giá trị doanh nghiệp và truyền thông thương hiệu FECON theo tầm nhìn và sứ mệnh giai đoạn mới;
- Đẩy mạnh phát triển đội ngũ & mối quan hệ ... trong các mảng chiến lược mới, đặc biệt là

mảng xây dựng công nghiệp và mảng đầu tư;

- Kiểm soát chi phí hiệu quả thông qua việc cắt giảm lãng phí;
- Hoàn thiện và thực thi các chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp, sáng kiến cải tiến, chính sách đãi ngộ, khuyến khích nâng cao năng suất và trả lương theo hiệu quả.
- Đẩy mạnh khai thác ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong hoạt động doanh nghiệp.

4.1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021	TĂNG TRƯỞNG %
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	3.154	3.900	23,7%
Doanh thu công ty mẹ	tỷ đồng	2.006	2.600	29,6%
LNST hợp nhất	tỷ đồng	133	175	30,6%
LNST công ty mẹ	tỷ đồng	81.7	85	4,2%
LNST của cổ đông công ty mẹ	tỷ đồng	118	166	40,7%
EPS hợp nhất	Đồng/CP	987	1174	19%

4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2021-2022

ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG VÀ HẠ TẦNG	2021	2022
Dự án năng lượng	230	380
Dự án giao thông	20	200
Dự án bất động sản đô thị	60	310
Dự án bất động sản khu công nghiệp	30	330
Tổng cộng	340	1220

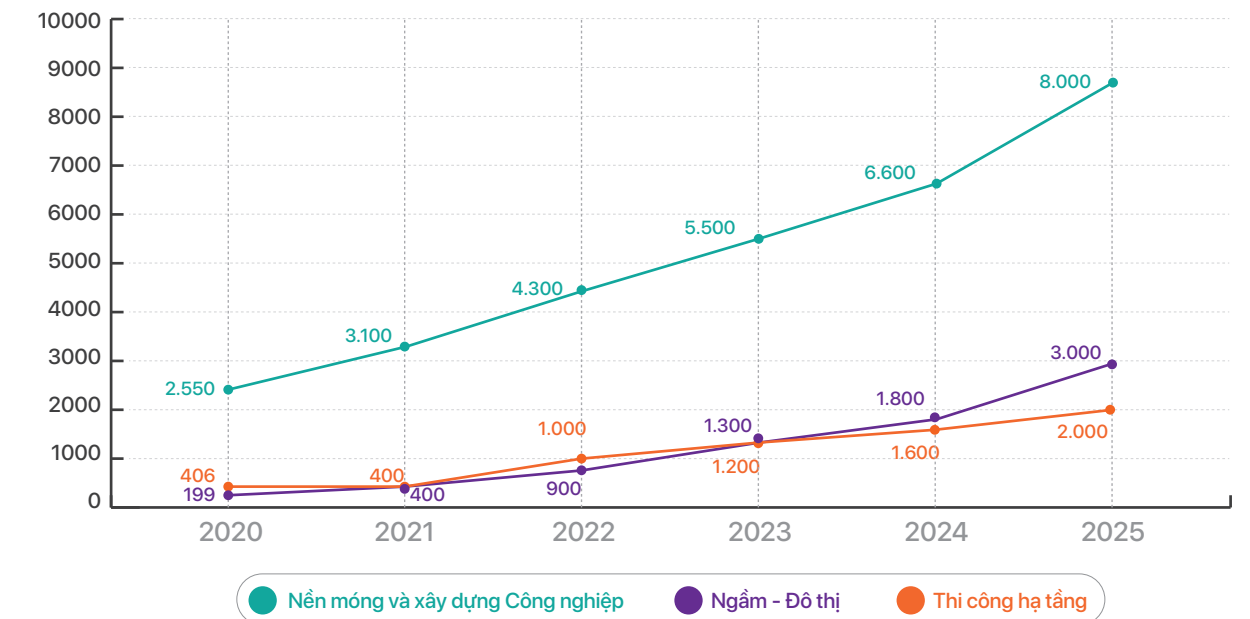


C. Kịch bản tăng trưởng giai đoạn 2020-2025

1. Kịch bản tăng trưởng doanh thu

Giá trị: tỷ đồng

TT	DOANH THU	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nền móng và xây dựng Công nghiệp	2.550	3.100	4.300	5.500	6.600	8.000
2	Ngâm - Đô thị	199	400	900	1.300	1.800	3.000
3	Thi công Hạ tầng	406	400	1.000	1.200	1.600	2.000
TỔNG CỘNG		3.154	3.900	6.200	8.000	10.000	13.000



2. Kịch bản tăng trưởng lợi nhuận sau thuế

Giá trị: tỷ đồng

TT	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nền móng và Xây dựng Công nghiệp	88	120	190	280	350	400
2	Ngâm - Đô thị	7	15	60	100	140	220
3	Thi Công Hạ tầng	19	15	50	80	110	130
4	Đầu tư	20	25	80	130	190	250
TỔNG CỘNG		133	175	380	590	790	1.000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần FECON, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS nhất trí thông qua báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 với các nội dung cụ thể như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2020 đánh dấu sự chuyển dịch mạnh mẽ của Tập đoàn với chiến lược mới. BKS đã tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. BKS tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Quy chế Quản trị của Tập đoàn.

Năm 2020, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý với các nội dung chính:

THỜI GIAN	SỐ THÀNH VIÊN THAM DỰ	NỘI DUNG
Quý I/2020	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019. Tổng kết hoạt động của BKS 2019, lập kế hoạch hoạt động 2020. Thảo luận, thống nhất danh sách để cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020.
Quý II/2020	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2020. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn.
Quý III/2020	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2020. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 6 tháng đầu năm 2020.
Quý IV/2020	03/03	Thẩm định Báo cáo tài chính quý Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất quý III/2020. Đánh giá, rà soát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ quý III/2020. Xem xét đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu 2020 kế hoạch sản xuất kinh doanh, các mục tiêu chiến lược năm 2020 của Tập đoàn, đưa ra các kiến nghị, đề xuất cải thiện.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2020

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM – đơn vị thuộc danh sách đã được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
- Doanh thu Công ty năm 2020 là 3.154 tỷ đạt 80% kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 133 tỷ đạt 57% kế hoạch năm 2020.

- Công ty đã hoàn tất việc phát hành 5.900.112 cổ phần để trả cổ tức 2019 và tăng Vốn điều lệ sau phát hành theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Công ty chưa thực hiện kế hoạch phát hành riêng lẻ 32.000.000 cổ phần phổ thông cho Nhà đầu tư chiến lược.
- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các Quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và thực hiện trả cổ tức vào tháng 12/2020.
- Công ty đã chi trả thù lao, tiền thưởng năm 2019, thù lao năm 2020 cho các thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Công ty chưa thực hiện nới room tỉ lệ sở hữu nước ngoài đối với cổ phiếu công ty lên 100%

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng, có hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Từng thành viên HĐQT, tiểu ban giúp việc của HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT và phân công của Chủ tịch HĐQT: nghiên cứu, thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết có chất lượng, trách nhiệm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo phiên toàn thể và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền để định hướng, chỉ đạo, đảm bảo tình hình hoạt động của toàn hệ thống thông suốt theo đúng chiến lược, kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành tiếp tục được thực hiện theo các quy chế đã ban hành và quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT cho Ban điều hành. Nhìn chung, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất để có các chỉ đạo định hướng cũng như giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề lớn phát sinh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả giám sát Ban điều hành của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2020, BKS, HĐQT và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì

lợi ích cao nhất của Công ty, của Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật. HĐQT và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, Ban điều hành quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Trong năm, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông/nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

▣ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần FECON đã được lập và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, BKS Công ty có những đánh giá như sau:

- Thống nhất với các báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;

- Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2020
1	Tổng tài sản	6.780
2	Vốn chủ sở hữu	2.503
3	Kết quả kinh doanh năm 2020	
-	Doanh thu thuần	3.154
-	Lợi nhuận sau thuế	133
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	119
-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) – đóng/cổ phiếu	987

Doanh thu hợp nhất của Công ty trong năm 2020 đạt 3.154 tỷ đồng, mặc dù chỉ đạt xấp xỉ 80% kế hoạch về doanh thu nhưng đã tăng 2% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ trong năm 2020 đạt 133 tỷ đồng (tương đương 57% kế hoạch năm), giảm 36% so với năm 2019.

Trong bối cảnh sự cạnh tranh giữa các Công ty diễn ra ngày càng khốc liệt, tình hình dịch bệnh bùng phát, việc duy trì và tăng trưởng các chỉ tiêu về doanh thu so với năm 2019 cũng là một thành tích đáng khích lệ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống FECON.

▣ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Năm 2021 sẽ là năm tiếp tục cho sự đổi mới và phát triển của Công ty cùng với sự chuyển biến tích cực trong quản lý điều hành của các đơn vị thành viên FECON. Do vậy, Ban Kiểm soát đặt ra 06 mục tiêu trọng tâm cho năm kế hoạch 2021 như sau:

Một là, giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, các quy định, quy chế trong quản trị, điều hành FECON.

Hai là, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và các chính sách quan trọng về tài chính kế toán năm 2021.

Ba là, cập nhật Danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn, trên cơ sở đó, xây dựng và quản lý kế hoạch kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống FECON.

Bốn là, tích cực nghiên cứu, tư vấn, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro trong quản trị điều hành.

Năm là, giám sát sự biến động về tình hình nắm giữ cổ phần FECON của những cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Sáu là, các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Theo quan điểm của Tập đoàn, Quản trị rủi ro (QTRR) không chỉ nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của rủi ro mà còn phải tối ưu hóa các cơ hội thông qua việc phân tích toàn diện rủi ro. Tập đoàn chọn lọc và chỉ chấp nhận rủi ro ở ngưỡng cho phép, nhằm gia tăng độ an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vững uy tín và vị thế chiến lược của Tập đoàn. Năm 2020, FECON tiếp tục triển khai công tác quản lý rủi ro ở nhiều cấp độ: từ vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày đến công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp, hướng tới việc đẩy mạnh áp dụng tại các công ty thành viên.

• **Rủi ro chiến lược:** FECON quản lý hiệu quả rủi ro chiến lược trong từng giai đoạn: hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược. Năm 2020, trên cơ sở các ý kiến tư vấn của KPMG, Công ty đã hoàn thiện chiến lược FECON giai đoạn 2020 – 2025, từ đó xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hành động và công tác quản trị rủi ro Tập đoàn.

Rủi ro chiến lược sẽ được Ủy ban triển khai chiến lược FECON đánh giá, điều chỉnh định kỳ thích ứng với các thay đổi của môi trường kinh doanh hằng năm, đảm bảo bám sát các mục tiêu chiến lược.



• **Rủi ro hoạt động:** Quản lý rủi ro hoạt động ở FECON gắn liền với quản lý rủi ro hoạt động của dự án, luôn là vấn đề được Công ty ưu tiên quan tâm. Đặc biệt trong năm 2020 – một năm đầy biến động bởi dịch bệnh COVID 19.

FECON tiếp tục đẩy mạnh triển khai Cẩm nang quản trị rủi ro quản lý dự án. Trong đó, việc lập kế hoạch quản trị rủi ro cùng lúc với kế hoạch triển khai dự án là yêu cầu bắt buộc đối với các Ban điều hành dự án của FECON.

Năm 2020, bên cạnh các rủi ro trước đây, TOP10 các rủi ro có mức độ nghiêm trọng cao nhất luôn có rủi ro bùng phát dịch COVID 19, đảm bảo việc chủ động ứng phó kịp thời khi phát sinh rủi ro.

Trong năm, song song với công tác quản lý rủi ro dự án, FECON luôn duy trì và đảm bảo hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc tái chứng nhận ISO 9001- hệ thống quản lý chất lượng, ISO 45001 - hệ thống quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.



• **Rủi ro danh tiếng:** Tăng trưởng quy mô Tập đoàn đồng thời cũng là rủi ro về việc quản trị thương hiệu FECON. Năm 2020, Công tác quản trị rủi ro danh tiếng, quản trị khủng hoảng truyền thông được triển khai mạnh mẽ từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên thông qua Quy chế truyền thông toàn tập đoàn, Sổ tay ứng phó khủng hoảng truyền thông cũng như các quy định về công bố thông tin.

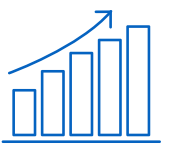
Quản lý rủi ro danh tiếng của Công ty gắn liền với quản trị khủng hoảng truyền thông. Công ty luôn nỗ lực không ngừng nhằm đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của các bên liên quan. Từ đó, hạn chế việc phát sinh các thông tin bất lợi liên quan đến chất lượng và uy tín của doanh nghiệp.



• **Rủi ro tài chính:** Việc vận hành FECON theo mô hình tập trung Tập đoàn đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý rủi ro tài chính toàn hệ thống. Các rủi ro tài chính được nhận diện, bao gồm:



• **Rủi ro tín dụng:** chủ yếu đối với FECON là việc khách hàng không đáp ứng được nghĩa vụ công nợ theo hợp đồng. Để ứng phó với rủi ro này, các ban Công ty bao gồm Ban Kinh tế đầu thầu, Ban dự án, Ban Tài chính tăng cường tập trung vào công tác (i) Đánh giá mức độ tin cậy, năng lực tài chính của chủ đầu tư/khách hàng trước khi ký hợp đồng, từ đó đưa ra các chính sách về thanh toán hợp lý cho từng dự án; (ii) Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, xuất hóa đơn, theo dõi và thu hồi công nợ.



• **Rủi ro thanh khoản:** Năm 2020, các chỉ số tài chính về hệ số thanh toán của FECON đều được đảm bảo, không có bất kỳ sự cố nào về thanh khoản phát sinh. FECON tiếp tục nâng cao vai trò của Ban Tài chính với sự hỗ trợ của Ban Quản lý chi phí và Dòng tiền trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính định kỳ, dự báo dòng tiền và các phương án dự phòng nguồn vốn. Điều này đảm bảo rằng dòng tiền của FECON luôn đáp ứng được nhu cầu kinh doanh và đầu tư của Công ty.



• **Rủi ro thị trường:** Các thay đổi về lãi suất/lãi vay sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần của Công ty. Do đó, FECON tập trung vào quản lý biến động này bằng việc mở rộng quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính đảm bảo tính đa dạng cũng như tăng cường việc đàm phán lãi suất, phí phát hành với từng tổ chức tài chính.



• **Rủi ro pháp lý:** FECON là công ty niêm yết và đại chúng quy mô lớn, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ với cổ đông, khách hàng luôn được chú trọng quản lý và giám sát.

Công tác pháp chế trong mọi mặt hoạt động của Công ty do Ban Pháp chế chịu trách nhiệm. Ngoài công tác tham mưu và tư vấn, Ban Pháp chế kết hợp cùng Câu lạc bộ pháp lý FECON tổ chức đào tạo kiến thức pháp lý định kỳ, cập nhật các quy định mới của pháp luật có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tới các cán bộ nhân viên có liên quan.

Công ty đang hoàn thiện các quy định về quản trị rủi ro pháp chế tập trung nhằm giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các quy định nội bộ để hạn chế các thiệt hại của rủi ro pháp lý.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



"Ngay từ khi mới thành lập đến nay và mãi mãi về sau, phương châm của FECON là ích nước lợi nhà. Mọi hoạt động đều hướng đến mục tiêu lâu dài là sự phát triển bền vững của đất nước"
- **Chủ tịch Phạm Việt Khoa.**

Kiên định với triết lý kinh doanh đó, bên cạnh các mục tiêu về hiệu quả kinh doanh, FECON luôn nỗ lực tạo dựng những giá trị bền vững trong từng chặng đường phát triển, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội, quốc gia. Từ nội tại, sự phát triển bền vững của Tập đoàn dựa trên 3 nền tảng: nền tảng vật chất, nền tảng tri thức - công nghệ và nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

• TIÊN PHONG TRONG VIỆC LÀM CHỦ NHỮNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TRÊN THẾ GIỚI

Trải qua gần hai thập kỷ hình thành và phát triển, FECON đã không ngừng đổi mới, tiên phong và vững chắc về công nghệ hướng 03 mục tiêu: tối ưu về kỹ thuật, tối ưu về chi phí, tối ưu về môi trường.

Năm 2020, dịch bệnh Covid 19 không thể ngăn cản niềm đam mê khoa học của người FECON. Hội nghị công nghệ xây dựng FECON lần thứ 5 đã diễn ra thành công với sự góp mặt của đông đảo các thầy trong Hội đồng cố vấn; các chuyên gia đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc... cùng đội ngũ cán bộ, kỹ sư FECON. Hội nghị là một diễn đàn bổ ích của khối kỹ

thuật, đại diện cho tinh thần cầu thị - hướng thượng của FECON, đó là không ngừng học hỏi, cải tiến.

Công tác R&D của FECON luôn được chú trọng, đẩy mạnh. Nhiều công nghệ mới lần đầu tiên tại Việt Nam như: công nghệ lồng thép thủy tinh (softeyes) trong công tác thi công tường vây, công nghệ Jet Grouting với góc khoan lên tới 45 độ đều được áp dụng tại dự án Metro Line 3 (Hà Nội). Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, FECON đang áp dụng các công nghệ thiết kế và thi công móng tuabin điện gió gần bờ và trên biển tại các dự án điện gió B&T Quảng Bình, Trà Vinh V1.3, Thái Hòa, UPC Sóc Trăng, ...

Một trong những dấu ấn công nghệ nổi bật nhất của FECON trong năm 2020 đó là việc trúng gói thầu lắp ráp và vận hành robot đào hầm TBM tại Dự án đường sắt đô thị Nhổn - Ga Hà Nội. Trước Tết Nguyên Đán 2021, FECON đã hoàn thành việc lắp ráp và vận hành thử robot số 1. Đây là máy đào hầm metro đầu tiên của thành phố Hà Nội do hãng Herrenknecht (Đức) chế tạo theo công nghệ TBM (Tunnel



Boring Machine), dài hơn 100 m, nặng khoảng 850 tấn với bộ phận khiên đào phía trước đường kính 6,55 m. TBM là công nghệ đào hầm đô thị tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay, đã được áp dụng tại nhiều nước trên thế giới nhưng còn khá mới mẻ tại Việt Nam.

Năm 2020, Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ CTV Việt Nam là đơn vị đại diện Tập đoàn CTE (Pháp) tại Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác về chuyển quyền sử dụng sáng chế “Phương pháp xây dựng móng trụ đỡ Tuabin gió của máy phát điện bằng sức gió ở vị trí nước nông gần bờ”. Theo thỏa thuận ký kết, FECON là đơn vị duy nhất có quyền sử dụng sáng chế này trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm giải pháp xây dựng, quy trình sản xuất và lắp đặt móng tua bin điện gió tiết điện W. Công nghệ này được đánh giá sẽ giúp tiết kiệm từ 30% đến 50% chi phí so với các phương pháp nước ngoài đang triển khai tại Việt Nam.

Ngoài ra, phong trào thường niên “Sáng kiến cải tiến” tiếp tục thu hút đông đảo cán bộ công nhân viên tham gia. Chương trình sáng kiến cải tiến 2020 ghi nhận 41 sáng kiến vào vòng sơ khảo, 36 sáng kiến vào vòng chung khảo, 15 sáng kiến đạt giải. Trong đó, 23 sáng kiến đã được áp dụng vào thực tiễn quá trình thi công các dự án mà FECON đang triển khai, tiêu biểu như: cải tiến Búa HERA 8800; giải pháp lắp cầu long môn trên đỉnh tường vây, áp dụng thực tế tại dự án Metroline 3 Hà Nội; cải tiến cấu tạo mũi khoan cọc xi măng đất (CDM) đáp ứng điều kiện thi công tại Myanmar; phương án thiết kế bãi đứng cầu trong thi công móng trụ điện gió với điều kiện đất nền ở Việt Nam; cải tiến mũi khoan và biện pháp khoan để tăng hiệu quả thi công Jet grouting dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm Hà Nội, Đoạn Nhổn- Ga Hà Nội (Hạng mục bịt đáy ga 12)...

Chiến lược tiên phong công nghệ là hướng đi giúp FECON có thể duy trì được năng lực cạnh tranh trong dài hạn, bứt phá phát triển thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng; đồng thời ứng dụng công nghệ mới vào thi công để nâng cao chất lượng các công trình sẽ góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.



• BỀN BỈ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ VÀ HẠT NHÂN PHÁT TRIỂN

“Tài sản lớn nhất của FECON là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập” đã trở thành một trong những triết lý kinh doanh, kim chỉ nam cho mọi chiến lược, mọi bước đi của FECON trong suốt 17 năm qua.

Năm 2020, vượt qua nhiều doanh nghiệp danh tiếng, Công ty CP FECON (FECON) lần đầu

tiên được vinh danh ở hạng mục “Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn lực hạnh phúc nhất”. Đồng thời, FECON cũng được ghi nhận nằm trong “Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành Vật liệu/xây dựng” với thứ hạng cao. Giải thưởng là sự ghi nhận những nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết cùng những chế độ đãi ngộ xứng đáng và cơ hội trưởng thành vượt trội; đồng thời cũng là động lực giúp FECON tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển đề cao yếu tố con người và trở thành tổ chức học tập, phát triển của mỗi cá nhân.

Ở FECON, ngoài chính sách lương, thưởng phù hợp nhằm tạo động lực khuyến khích CBCNV không ngừng phát huy hết khả năng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, Tập đoàn còn đặc biệt chú trọng đến các hoạt động xây dựng đội ngũ và lan tỏa giá trị doanh nghiệp.



→ Văn hóa học tập và phát triển

Nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của FECON, các chương trình đào tạo và phát triển luôn được Tập đoàn chú trọng trong nhiều năm qua.

Năm 2020, FECON tổ chức 33 khóa học dành cho từng nhóm đối tượng khác nhau trong hệ thống công ty, tiêu biểu như: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý; PMP - Quản lý dự án theo chuẩn quốc tế; Nhân viên tiềm năng; Đào tạo công nhân... với mục tiêu nâng cao kỹ năng và các kiến thức chuyên môn, nâng cao hiệu suất công việc.

FECON hợp tác với nhiều đơn vị đào tạo uy tín để tổ chức các khóa học phù hợp dành cho đội ngũ quản lý cấp trung đến cấp cao, tiêu biểu như: phối hợp Đại học Quốc gia tổ chức Chương trình Mini MBA dành cho các cấp lãnh đạo; hợp tác với Dale Carnegie Academy tổ chức khóa Great Leader, Great Trainees, Learner makes breakthrough, Diplomatic Protocol for leader... Các khóa học này giúp đội ngũ quản lý khả năng làm chủ được các kỹ năng quan trọng, từ việc triển khai và quản lý đến việc truyền cảm hứng cho nhân viên cấp dưới...

Tiếp nối thành công của các năm trước, Chương trình Project Management Professional - Phát triển lực lượng quản lý dự án (PMP) tiếp tục được duy trì tổ chức và đã có nhiều điểm cải tiến, hoàn thiện trong năm 2020. Đây là hoạt động thường niên được FECON tổ chức từ năm 2017 tới nay, nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực quản lý dự án và tổng thầu EPC. Chương trình kết hợp giữa đào tạo của chuyên gia và đào tạo nội bộ.

Với chủ đề “On change management”, Chương trình Manager Summit 2020 - hội nghị cấp quản lý do Công ty CP FECON tổ chức thường niên - được tổ chức với ý nghĩa: để trở thành phiên bản tốt hơn trên hành trình thay đổi, FECON luôn phải nhìn nhận và kiểm soát chặt chẽ mỗi bước đi của tổ chức để giúp cho sự thay đổi luôn có kết quả tốt nhất. Với ý nghĩa đó, 04 đề tài cấp thiết hiện nay đã được thảo luận sôi nổi và thực chất trong hai ngày của hội nghị: Từ dự án NQC đến tối ưu quy trình nội bộ; Phát triển Năng lực và Tư duy “Tổng Thầu” cho đội ngũ QLDA; Để dòng tiền luôn được khơi thông; Trúng thầu hay trượt thầu.

→ Lan tỏa giá trị doanh nghiệp: Chia sẻ, gắn kết

Để mỗi CBCNV coi công ty “như ngôi nhà thứ 2”, FECON đặc biệt chú trọng các hoạt động

gắn kết nội bộ, công tác truyền thông nội bộ nhằm vun đắp đời sống tinh thần và thể chất cho cán bộ, nhân viên.

Năm 2020, mặc dù không nằm ngoài quỹ đạo ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy nhiên FECON đã linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động nội bộ trên tinh thần đảm bảo nguyên tắc ưu tiên phòng chống dịch. Hơn 10 triệu giao hữu bóng đá giữa FECON với các đối tác và trong nội bộ công ty là minh chứng cho tinh thần thể thao mạnh mẽ của người FECON, qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện thể chất và gắn kết giữa CBNV; các hoạt động gắn kết nhân dịp 08/3, 26/3, Tết Trung thu, 20/10, hoạt động tổng kết năm FECON Awards được linh hoạt tổ chức theo phiên bản “thời Covid”.

Trên tinh thần sẻ chia, “Quý Nghĩa tình đồng đội FECON” đã trao tặng nhiều phần quà đến các gia đình CBCNV bị ảnh hưởng bởi trận lũ lụt lịch sử tại miền Trung năm 2020 với mong muốn san sẻ những khó khăn, mất mát do thiên tai gây ra tới những người đồng đội FECON.



• ĐÓNG GÓP VÀO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI TẠI NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG

Đồng hành cùng công tác an sinh xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà FECON đặt ra trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Nhiều hoạt động ý nghĩa đã được FECON tổ chức trong những năm qua, hướng tới mục tiêu phát triển cộng đồng như: chương trình trao học bổng, đền ơn đáp nghĩa, chương trình “Ước mơ tuổi vàng” mang dịch vụ chăm sóc y tế tới các cụ ở khu vực nông thôn, giúp đỡ bà con chịu ảnh hưởng của thiên tai, trao học bổng cho các em ở một số địa phương...

Riêng năm 2020, FECON đã chủ trì và phối hợp tổ chức nhiều chương trình thiện nguyện, hoạt động xã hội tại nhiều địa phương. Tháng 10/2020, FECON đồng hành cùng Trung ương Hội chữ thập đỏ và Ban truyền hình Biên giới biển đảo VTV, đoàn y bác sĩ Bệnh viện mắt Sài Gòn Hà Nội và Bệnh viện Đại học Y Hà Nội đã tổ chức thành công chương trình “Ước mơ tuổi vàng” tại xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Thông qua chương trình, gần 170 người cao tuổi đã được khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí, 24 cụ già được hỗ trợ mổ mắt thành công, cùng 300 phần quà trị giá 60 triệu đồng trao tận tay các gia đình chính sách, người già neo đơn.

Trước thềm Tết Nguyên Đán 2021, FECON mang Tết về sớm với bà con xã Hòa Đông (thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) thông qua việc phối hợp cùng UPC Renewables Vietnam tổ chức chương trình “Tết yêu thương” với chuỗi hoạt động ý nghĩa như khám bệnh tình nguyện, cấp thuốc miễn phí, tặng quà Tết cho người dân địa phương và các em học sinh.

Ngoài ra, các hoạt động thiết thực mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc được FECON như ủng hộ tỉnh Quảng Bình 300 triệu đồng để khắc phục sự cố do bão lũ gây ra.

• KIẾN TRÌ PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN “XANH, THÔNG MINH”

Ban lãnh đạo Công ty đã xác định rõ các ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư dự án, đó là: Năng lượng sạch, Hạ tầng đô thị, Khu công nghiệp.

→ Đầu tư dự án năng lượng sạch

Tận dụng những tiềm năng to lớn về năng lượng tái tạo tại Việt Nam, FECON đang đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng năng lượng sạch, vừa hiện thực hóa chiến lược “đi bằng hai chân” - triển khai song song hai mảng Đầu tư và Thi công, vừa góp phần vào công cuộc phát triển bền vững của đất nước.

Nối tiếp thành công của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6, năm 2020, FECON chính thức tham gia vào Dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng với vai trò chủ đầu tư. Ngoài ra, FECON đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đồng ý chủ trương cho phép thực hiện nghiên cứu lập hồ sơ đề xuất bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đối với dự án nhà máy điện gió trên biển, có tổng công suất dự kiến 500MW, diện tích nghiên cứu khảo sát dự án khoảng 120km2 vùng biển ngoài khơi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trên phương diện nhà thầu, năm 2020, FECON trúng thầu một loạt dự án điện gió tại các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ như Cụm trang trại điện gió B&T tại Quảng Bình (gồm Trang trại điện gió BT1 công suất 109,2 MW và Trang trại điện gió BT2 công suất 100,8 MW); Nhà máy điện gió Thái Hòa công suất 90 MW tại Bình Thuận; Nhà máy Điện gió Trà Vinh V1.3 (48 MW) tại Trà Vinh; Dự án điện gió Lạc Hòa (30 MW), Dự án điện gió Hòa Đông (30 MW); Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng tổng công suất 129 MW (công suất giai đoạn 1 dự kiến 30 MW) tại Sóc Trăng...

→ Kiến tạo khu đô thị sinh thái, khu công nghiệp xanh: thay đổi diện mạo; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Đất nước.

Trong lĩnh vực đầu tư, FECON đang tập nghiên cứu đầu tư và phát triển các khu đô thị sinh thái, khu công nghiệp xanh, thông minh. Các dự án được quy hoạch bài bản và đồng bộ về hạ tầng, tiện ích, đáp ứng kịp thời nhu cầu lưu trú, thương mại, dịch vụ... đang ngày càng gia tăng, giúp giải quyết bài toán đô thị hoá đang diễn ra rộng khắp cả nước.

Cùng với bất động sản đô thị, bất động sản công nghiệp cũng đang được FECON đầu tư nhằm giải quyết vấn đề công ăn việc làm cho người lao động tại các địa phương. Điểm chung trong tất cả các dự án đầu tư của FECON đang hướng đến là yếu tố xanh, thông minh, khai thác và phát huy tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, từ đó nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng xã hội. Hiện nay trong danh mục đầu tư dự án của FECON, có trên 800ha khu công nghiệp và trên 250ha khu đô thị.





PHẦN 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 72 Báo cáo của ban tổng giám đốc
- 74 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 78 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 79 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 31 ngày 25/01/2021 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 31 ngày 25/1/2021 là: 1.254.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
	Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên
	Ông Phạm Trung Thành	Ủy viên
	Ông Nguyễn Song Thanh	Ủy viên
	Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên
	Ông Satoyuki Yamane	Ủy viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/8/2020)
	Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/02/2020)
	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/02/2020)
	Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2020)
BAN KIỂM SOÁT	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
	Ông Trần Công Tráng	Thành viên
	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm

toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 10/4/2021, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

► Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



VŨ NGỌC ÁN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày

02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

NGUYỄN THỊ MAI HOA

KIỂM TOÁN VIÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.557.412.775.682	4.501.536.433.610
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	358.353.732.799	236.464.914.224
1. Tiền	111		302.718.732.799	199.349.914.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.635.000.000	37.115.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.358.143.989	55.857.294.488
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	35.358.143.989	55.857.294.488
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.969.341.050.922	3.363.084.117.318
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.663.910.912.631	2.571.166.310.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	621.272.475.826	107.268.651.323
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	44.405.044.167	96.019.104.167
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	643.009.282.033	590.712.396.039
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.185.497.150)	(2.082.345.111)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		928.833.415	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.028.107.365.982	675.398.883.653
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.028.107.365.982	675.398.883.653
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		166.252.481.990	170.731.223.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	10.268.884.294	7.766.362.744
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.860.704.520	5.185.783.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	3.365.933.176	22.118.076
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		143.756.960.000	157.756.960.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.222.701.947.188	1.145.924.226.816
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.291.521.583	31.121.859.445
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	6.333.390.000	1.539.600.025
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	23.300.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	40.658.131.583	29.582.259.420
II. Tài sản cố định	220		673.036.229.036	678.215.037.558
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	434.424.987.981	479.521.798.266
- Nguyên giá	222		801.271.684.320	817.812.478.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.846.696.339)	(338.290.680.376)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	185.783.319.516	140.525.224.657
- Nguyên giá	225		213.661.288.028	170.259.119.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.877.968.512)	(29.733.894.727)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	52.827.921.539	58.168.014.635
- Nguyên giá	228		71.997.793.875	71.985.003.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.169.872.336)	(13.816.988.453)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.226.126.647	53.683.189.093
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	46.226.126.647	53.683.189.093
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		304.763.816.009	310.757.816.009
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	188.633.242.500	186.677.242.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	114.630.573.509	123.880.573.509
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	1.500.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		128.384.253.913	72.146.324.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	75.753.175.787	71.099.260.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		316.390.008	272.986.925
5. Lợi thế thương mại	269		52.314.688.118	774.077.256
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		6.780.114.722.870	5.647.460.660.426

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		4.277.200.229.024	3.191.627.752.927
I. Nợ ngắn hạn	310		3.896.088.221.242	2.803.785.441.878
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	1.038.767.308.824	845.542.070.570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	326.382.710.526	126.748.638.075
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	130.978.504.065	122.546.531.869
4. Phải trả người lao động	314		29.457.007.708	12.655.087.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	999.301.740.342	827.890.659.668
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		52.785.719	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	143.419.299.268	108.837.558.195
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.220.446.974.519	753.922.420.538
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.281.890.271	5.642.475.004
II. Nợ dài hạn	330		381.112.007.782	387.842.311.049
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.941.774.132	3.126.774.960
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	374.528.865.452	379.581.062.855
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.641.368.198	5.134.473.234
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.502.914.493.846	2.455.832.907.499
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	2.502.914.493.846	2.455.832.907.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.254.390.050.000	1.195.388.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.254.390.050.000	1.195.388.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		418.206.069.395	418.206.069.395
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(13.935.465.178)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		334.081.396.957	285.327.260.365
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		254.161.637	335.827.353
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.288.658.729	300.744.819.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.592.214.429	100.165.380.088
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		118.696.444.300	200.579.439.049
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		287.590.342.306	255.830.001.249
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.780.114.722.870	5.647.460.660.426
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Người lập:  **TRẦN THU TRANG**

Kế toán trưởng:  **NGUYỄN THỊ NGHIÊN**

Tổng Giám đốc:  **NGUYỄN VĂN THANH**



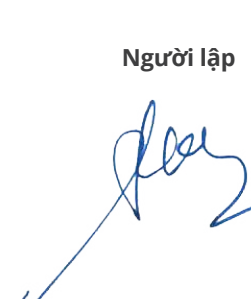



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	3.154.193.828.244	3.091.651.475.015
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	460.125.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.154.193.828.244	3.091.191.350.015
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.22	2.680.784.968.097	2.656.871.191.247
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		473.408.860.147	434.320.158.768
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	15.188.765.569	210.658.393.645
7.	Chi phí tài chính	22	5.24	99.245.607.151	179.413.305.315
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>96.073.976.082</i>	<i>83.054.243.144</i>
8.	Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	5.25	21.987.042.112	18.934.170.307
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	192.222.584.791	165.465.268.422
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		175.142.391.662	281.165.808.369
	{30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}				
12.	Thu nhập khác	31	5.26	1.201.316.720	9.893.459.570
13.	Chi phí khác	32	5.26	8.154.750.363	14.468.378.019
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(6.953.433.643)	(4.574.918.449)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		168.188.958.019	276.590.889.920
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	34.647.187.978	63.733.225.003
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(43.403.083)	1.296.700.267
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		133.585.173.124	211.560.964.650
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		118.696.444.300	200.579.439.049
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.888.728.824	10.981.525.601
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	987	1.621

Người lập:  **TRẦN THU TRANG**
 Kế toán trưởng:  **NGUYỄN THỊ NGHIÊN**
 Tổng Giám đốc:  **NGUYỄN VĂN THANH**


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		168.188.958.019	276.590.889.920
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		77.751.887.656	76.343.935.000
- Các khoản dự phòng	03		2.103.152.039	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		205.073.537	192.737.854
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.690.624.518)	(108.044.737.183)
- Chi phí lãi vay	06		96.073.976.082	83.054.243.144
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		331.632.422.815	328.137.068.735
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(303.061.485.521)	(418.804.938.163)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(352.708.482.329)	(154.657.584.885)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		589.818.471.697	425.437.875.063
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.156.436.807)	(39.302.728.124)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(94.311.240.060)	(83.376.347.594)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(50.506.519.828)	(65.833.878.248)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(25.049.257.603)	(20.196.024.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		88.657.472.364	(28.596.558.049)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(404.275.394.821)	(80.335.563.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.819.480	3.026.456.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(124.200.849.501)	(146.447.319.681)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.922.891.449	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.956.000.000)	(105.182.242.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.250.000.000	189.002.920.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.815.826.057	15.205.004.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(355.252.707.336)	(124.730.744.376)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(13.935.465.178)	-
3. Tiền thu từ cho vay	33		2.418.282.951.423	1.940.485.342.721
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.874.126.317.801)	(1.633.778.310.888)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(82.684.277.044)	(52.506.528.966)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.014.661.500)	(56.936.231.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		388.522.229.900	197.264.271.867
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		121.926.994.928	43.936.969.442
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		236.464.914.224	192.527.689.473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(38.176.353)	255.309
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		358.353.732.799	236.464.914.224

Người lập:  **TRẦN THU TRANG**
 Kế toán trưởng:  **NGUYỄN THỊ NGHIÊN**
 Tổng Giám đốc:  **NGUYỄN VĂN THANH**


1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

★ 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 31 ngày 25/01/2021 về việc tăng vốn điều lệ.

➤ **Vốn điều lệ** của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 31 ngày 25/1/2021 là: 1.254.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng.)

➤ **Tên nước ngoài:** FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP

➤ **Trụ sở chính:** Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

➤ **Tổng số lao động** bình quân trong năm 2020 là 1.224 lao động (Năm 2019: 1.392 lao động)

★ 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

★ 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

★ 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	VỐN NĂM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON		
Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON	99,56%	99,56%
Công ty Cổ phần FECON Miltec (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	50,287%	50,287%
Trường THPT Ý Yên	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON	87,47%	87,47%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	55,78%	55,78%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	98,24%	98,24%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	99,994%	99,994%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	78,95%	78,95%
FECON Rainbow Foundaticon Construction Co Ltd	60%	60%
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	64%	64%
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON Sở hữu trực tiếp 86,14% và sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON)	86,14%	99,93%
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	99,89%	99,89%

Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON	99,94%	99,94%
FECON Trung Chính Myanmar	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (Sở hữu trực tiếp 48,997% và sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON)	48,997%	99,997%
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	100%	100%
Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (FECON sở hữu chéo qua Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam nắm giữ 90% vốn điều lệ)	90%	90%
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT		
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49%	49%
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	40%	40%
Công ty Cổ phần tầng Omega Fortune (OFICO)	49,1%	49,1%
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân Lực Thanh Giang FECON	49%	49%

★ 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường Phổ thông Trung học Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.

Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON (Trước đây là Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON Shanghai Harbour) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần xử lý nền FECON Shanghai Harbour theo giấy chứng nhận đầu tư số 011032002204 ngày 17 tháng 01 năm 2014. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,56% vốn thực góp. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON là Công ty Cổ phần FECON Miltec.

Trường Phổ thông Trung học Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thực theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần FECON.

Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON (Tên cũ Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON) tiền thân là Công ty Cổ phần FECON Holdings, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106393689 ngày 18/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 87,47% vốn điều lệ. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON là Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI.

Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 011032002731 do UBND Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2014. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 55,78% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty cổ phần Nông nghiệp thông minh FECON), được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107254215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2015 Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 78,95% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần FECON South được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313876483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/06/2016. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 98,24% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (trước đây Công ty TNHH đầu tư hạ tầng FECON) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107641750 ngày 22/11/2016, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,995% vốn thực góp.

FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD được thành lập và hoạt động tại Myanmar, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 60% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2801128982 ngày 11 tháng 01 năm 2008; đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ bảy (07) ngày 18 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 64% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Thiết bị FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400499047 ngày 14/11/2018, Công ty Cổ phần FECON Sở hữu trực tiếp 86,14% và sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON. Như vậy, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,93% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108620312 ngày 27/02/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,89% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108620305 ngày 25/02/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,89% vốn điều lệ.

Công ty CP Thi công cọc và xây dựng FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108841985 ngày 26/7/2019, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,94% vốn điều lệ.

FECON Trung Chính Myanmar được thành lập và hoạt động tại Myanmar, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0108815865 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9/7/2019, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 02/10/2020. FECON sở hữu trực tiếp 48,997% vốn điều lệ và sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Năng lượng FECON nắm giữ 51% vốn điều lệ. Như vậy, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,997% vốn điều lệ.

Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109299412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/8/2020, Công ty Cổ phần FECON là Chủ sở hữu.

Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200743221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 29/01/2018, thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2019. FECON sở hữu chéo qua Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam nắm giữ 90% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON, FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển
Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2020.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất thuê tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	THỜI GIAN KHẤU HAO (NĂM)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

➤ Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

➤ Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

➤ Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

➤ Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

➤ Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

➤ Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong

niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	63.466.115.408	64.219.032.806
Tiền gửi ngân hàng	239.252.617.391	135.130.881.418
Các khoản tương đương tiền	55.635.000.000	37.115.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.635.000.000	37.115.000.000
Tổng	358.353.732.799	236.464.914.224

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	35.358.143.989	35.358.143.989	55.857.294.488	55.857.294.488
Tiền gửi có kỳ hạn	35.358.143.989	35.358.143.989	55.857.294.488	55.857.294.488
Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	200.000.000	200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Trái phiếu kỳ hạn 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	200.000.000	200.000.000
Tổng	36.858.143.989	36.858.143.989	56.057.294.488	56.057.294.488

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.663.910.912.631	2.571.166.310.900
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	64.742.512.745	64.994.403.945
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	35.386.736.878	79.153.021.252
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	45.249.504.646	98.452.308.255
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	8.718.752.627	54.703.685.162
Công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương	7.730.011.437	36.562.834.292
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	85.686.011.715	125.291.987.055
Trường đại học Phenikaa	11.752.730.344	106.138.635.863
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.268.659.507	121.411.798.424
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	72.431.522.440	86.860.462.745
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	79.309.142.550	83.341.992.690
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	176.013.212.679	183.358.921.088
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Hyundai	10.118.198.661	98.386.536.370
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	99.262.110.479	-
Công ty Cổ phần điện gió BT1	199.293.575.408	-
Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam	214.291.987.379	-
Công ty Cổ phần điện gió BT2	124.360.487.117	-
Phải thu các đối tượng khác	1.409.295.756.019	1.432.509.723.759
Phải thu khách hàng dài hạn	6.333.390.000	1.539.600.025
Phải thu các đối tượng khác	6.333.390.000	1.539.600.025
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>	<i>1.205.303.974</i>	<i>1.523.718.321</i>
Tổng	2.670.244.302.631	2.572.705.910.925

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	58.058.516.411	-
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	329.944.491.860	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Xây dựng 69	8.458.630.589	8.458.630.589
Các đối tượng khác	184.810.836.966	58.810.020.734
Tổng	621.272.475.826	107.268.651.323

5.5. Phải thu về cho vay

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	44.405.044.167	96.019.104.167
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	634.104.167	634.104.167
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 (1)	39.685.940.000	91.300.000.000
Các đối tượng khác	4.085.000.000	4.085.000.000
Dài hạn	23.300.000.000	-
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (2)	23.300.000.000	-
<i>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>	<i>62.985.940.000</i>	<i>91.300.000.000</i>
	67.705.044.167	96.019.104.167

(1) Theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên; Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 01/2019/HĐCG/FCN-FCP ngày 15/12/2019 giữa bên chuyển giao Công ty Cổ phần FECON và bên nhận chuyển giao Công ty Cổ phần Năng lượng FECON toàn bộ quyền và nghĩa vụ của FCN phát sinh từ hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/2019/FCN-VH6-FCP ngày 16/12/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON, bên kế thừa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, theo đó số tiền vay là 55.584.000.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/01/2020 tự động gia hạn kỳ hạn vay bằng kỳ hạn vay của hợp đồng 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 không có thông báo hoặc các bên không có thỏa thuận khác và điều chỉnh lãi suất hợp đồng cho vay là 5,3% áp dụng kể từ ngày 01/02/2020 cho đến ngày bên vay hoàn trả đầy đủ khoản vay.

(2) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng FECON và Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune; Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng FECON cho CTCP Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng cho kỳ hạn 2 năm từ 15/5/2020 đến 15/5/2022, lãi suất cho vay 10%/năm; Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 15/5/2022 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng FECON nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.

5.6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	643.009.282.033	-	590.712.396.039	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
ACWA Power Vietnam Renewables Pte. Ltd.	267.000.000	-	4.892.000.000	-
Phải thu khác	193.416.368.174	-	215.957.476.009	-
Tạm ứng	442.328.714.889	-	358.312.976.350	-
Ký cược, ký quỹ	2.581.365.360	-	7.134.110.070	-
Phải thu dài hạn khác	40.658.131.583	-	29.582.259.420	-
Các khoản phải thu khác	7.587.906.473	-	-	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	33.070.225.110	-	29.582.259.420	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>	<i>120.475.471</i>		<i>113.151.910</i>	
Tổng	683.667.413.616	-	620.294.655.459	-

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.900.756.198	-	24.361.536.562	-
Công cụ, dụng cụ	7.420.252.945	-	1.466.492.294	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	902.720.656.453	-	604.970.493.527	-
Thành phẩm	7.307.790.001	-	14.900.451.648	-
Hàng hóa	88.757.910.385	-	29.420.141.117	-
Hàng gửi bán	-	-	279.768.505	-
Tổng	1.028.107.365.982	-	675.398.883.653	-

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	10.268.884.294	7.766.362.744
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	801.034.916	252.728.172
Chi phí bảo hiểm	268.010.313	563.529.701
Chi phí thuê văn phòng	344.607.099	290.389.952
Chi phí mua phần mềm	1.393.104.096	1.021.553.583
Chi phí sửa chữa	110.263.455	305.332.050
Chi phí khác	7.351.864.415	5.332.829.286
Dài hạn	75.753.175.787	71.099.260.530
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	16.684.834.064	13.514.046.968
Chi phí đền bù, GPMB đường vận tải	-	1.273.079.096
Chi phí sửa chữa	2.041.336.990	4.063.844.140
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	33.268.280.907	33.994.240.886
Chi phí phần mềm	234.541.610	180.811.278
Phí bảo hiểm	1.514.877.000	-
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí khác	14.003.397.994	11.782.005.623
Chi phí khác	8.005.907.222	6.291.232.539
Tổng	86.022.060.081	78.865.623.274

Đơn vị tính: VND	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC		MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG
	NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	79.938.441.241	662.426.503.363	39.014.826.848	3.002.753.407	33.429.953.783	817.812.478.642	
Tăng trong năm	20.975.784.894	72.441.341.884	4.802.583.327	126.632.727	9.791.931.914	108.138.274.746	
Mua trong năm	-	18.351.114.003	2.591.283.636	126.632.727	3.146.863.910	24.215.894.276	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	43.095.328.686	2.211.299.691	-	-	45.306.628.377	
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.975.784.894	10.994.899.195	-	-	6.645.068.004	38.615.752.093	
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	121.206.066.213	1.664.479.602	98.272.727	1.710.250.526	124.679.069.068	
Thanh lý, nhượng bán	-	113.794.055.544	1.222.096.745	52.272.727	200.353.534	115.268.778.550	
Giảm khác	-	7.412.010.669	442.382.857	46.000.000	1.509.896.992	9.410.290.518	
Số dư tại 31/12/2020	100.914.226.135	613.661.779.034	42.152.930.573	3.031.113.407	41.511.635.171	801.271.684.320	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2020	13.301.928.350	285.218.380.025	23.108.052.255	2.955.079.946	13.707.239.800	338.290.680.376	
Tăng trong năm	2.523.857.070	62.963.623.720	4.863.601.117	110.414.692	4.965.203.473	75.426.700.072	
Khấu hao trong năm	2.523.857.070	45.860.258.679	4.863.601.117	110.414.692	4.965.203.473	58.323.335.031	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	15.931.594.957	-	-	-	15.931.594.957	
Tăng khác	-	1.171.770.084	-	-	-	1.171.770.084	
Giảm trong năm	-	41.556.267.513	1.324.878.131	34.381.231	3.955.157.234	46.870.684.109	
Thanh lý, nhượng bán	-	35.654.741.672	882.495.274	34.381.231	111.896.850	36.683.515.027	
Giảm khác	-	5.901.525.841	442.382.857	-	3.843.260.384	10.187.169.082	
Số dư tại 31/12/2020	15.825.785.420	306.625.736.232	26.646.775.241	3.031.113.407	14.717.286.039	366.846.696.339	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2020	66.636.512.891	377.208.123.338	15.906.774.593	47.673.461	19.722.713.983	479.521.798.266	
Tại 31/12/2020	85.088.440.715	307.036.042.802	15.506.155.332	-	26.794.349.132	434.424.987.981	

5.10. Tài sản cố định thuê tài chính

	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	TỔNG
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2020	167.950.376.186	2.308.743.198	170.259.119.384
Tăng trong năm	81.560.774.457	4.012.468.873	85.573.243.330
Mua trong năm	81.560.774.457	4.012.468.873	85.573.243.330
Giảm trong năm	42.171.074.686	-	42.171.074.686
Mua lại tài sản thuê tài chính	42.171.074.686	-	42.171.074.686
Số dư tại 31/12/2020	207.340.075.957	6.321.212.071	213.661.288.028
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	29.476.230.882	257.663.845	29.733.894.727
Tăng trong năm	13.401.238.544	674.430.198	14.075.668.742
Khấu hao trong năm	13.401.238.544	674.430.198	14.075.668.742
Giảm trong năm	15.931.594.957	-	15.931.594.957
Mua lại tài sản thuê tài chính	15.931.594.957	-	15.931.594.957
Số dư tại 31/12/2020	26.945.874.469	932.094.043	27.877.968.512
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	138.474.145.304	2.051.079.353	140.525.224.657
Tại 31/12/2020	180.394.201.488	5.389.118.028	185.783.319.516

5.11. Tài sản cố định vô hình

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	QUYỀN KHAI THÁC MỎ	BẢN QUYỀN, BẰNG SÁNG CHẾ	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	29.665.828.403	13.195.889.771	241.800.000	27.956.367.657	925.117.257	71.985.003.088
Tăng trong năm	12.790.787	-	-	-	-	12.790.787
Tăng khác	12.790.787	-	-	-	-	12.790.787
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	29.678.619.190	13.195.889.771	241.800.000	27.956.367.657	925.117.257	71.997.793.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	1.818.812.800	4.402.487.460	22.689.452	7.128.038.320	444.960.421	13.816.988.453
Tăng trong năm	740.078.947	942.563.555	30.225.000	3.593.790.389	46.225.992	5.352.883.883
Khấu hao trong năm	740.078.947	942.563.555	30.225.000	3.593.790.389	46.225.992	5.352.883.883
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	2.558.891.747	5.345.051.015	52.914.452	10.721.828.709	491.186.413	19.169.872.336
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	27.847.015.603	8.793.402.311	219.110.548	20.828.329.337	480.156.836	58.168.014.635
Tại 31/12/2020	27.119.727.443	7.850.838.756	188.885.548	17.234.538.948	433.930.844	52.827.921.539

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng Nhà xưởng Lương Sơn - Hòa Bình	-	20.781.651.159
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.615.950.555	13.882.293.080
Dự án đường mở giai đoạn 3	-	1.146.510.850
Chi phí dự án trồng lê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	15.321.258.670	-
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	-	690.647.657
Dự án lắp đặt dây chuyền 2	-	3.963.740.308
Sửa chữa TSCĐ	43.000.000	-
Dự án mở rộng mỏ	-	2.903.777.199
Sửa chữa sàn nghiền	-	72.802.500
Mua sắm tài sản cố định	14.203.326.627	10.241.766.340
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	12.042.590.795	-
Tổng	46.226.126.647	53.683.189.093

5.13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2020		01/01/2020	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			188.633.242.500		186.677.242.500	
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiên Raito - FECON	49%	49%	24.500.000.000		24.500.000.000	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	40%	40%	162.177.242.500		162.177.242.500	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49.10%	49.10%	491.000.000		-	
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	49%	49%	1.465.000.000		-	
Đầu tư vào đơn vị khác			114.630.573.509		123.880.573.509	
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	10.95%	10.95%	45.201.592.259		45.201.592.259	
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	4.35%	4.35%	8.618.981.250		14.868.981.250	
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.94%	1.94%	7.000.000.000		7.000.000.000	
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11.85%	11.85%	16.000.000.000		16.000.000.000	
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000		37.810.000.000	
Công ty Cổ phần điện gió HLP Quảng Trị			-		3.000.000.000	
Tổng			303.263.816.009	(*)	310.557.816.009	(*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh

nh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1.

5.14. Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	GIÁ TRỊ GHI SỔ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	GIÁ TRỊ GHI SỔ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Ngắn hạn	1.038.767.308.824	1.038.767.308.824	845.542.070.570	845.542.070.570
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	109.661.643.345	109.661.643.345	139.618.370.982	139.618.370.982
Các đối tượng khác	929.105.665.479	929.105.665.479	705.923.699.588	705.923.699.588
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>	115.421.372.024	115.421.372.024	115.733.050.079	115.733.050.079
Tổng	1.038.767.308.824	1.038.767.308.824	845.542.070.570	845.542.070.570

5.15. Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	-	17.577.178.920
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Sports City	694.329.717	12.011.602.667
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	25.662.708.839	25.662.708.839
Công ty TNHH PowerChina Việt Nam	171.720.133.234	-
Các đối tượng khác	108.305.538.736	70.747.147.649
<i>Trong đó ứng trước các bên liên quan trình bày Thuyết minh 6.1</i>	-	17.577.178.920
Tổng	326.382.710.526	126.748.638.075

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	122.546.531.869	134.076.072.459	125.644.100.263	130.978.504.065
Thuế giá trị gia tăng	66.994.171.594	62.062.652.283	37.303.493.755	91.753.330.122
- Phát sinh trong năm	66.994.171.594	61.812.333.542	37.303.493.755	91.503.011.381
- Tăng khác		250.318.741	-	250.318.741
Thuế XNK	-	9.796.928.522	9.796.928.522	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.525.748.515	28.714.134.862	50.010.817.045	26.229.066.332
- Phát sinh trong năm	47.525.748.515	34.647.187.978	49.407.627.256	32.765.309.237
- Thuế TNDN hoàn nộp thuế (i)	-	(6.615.373.789)	-	(6.615.373.789)
- Tăng khác		79.130.884	-	79.130.884
- Thuế TNDN truy thu		603.189.789	603.189.789	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.224.727.158	18.938.953.899	15.340.622.679	5.823.058.378
- Phát sinh trong năm	2.224.727.158	18.991.593.572	15.340.622.679	5.875.698.051
- Giảm khác		(52.639.673)		(52.639.673)
Thuế tài nguyên	49.684.759	3.122.302.516	3.171.987.275	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	123.645.994	450.773.460		574.419.454
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác		2.318.291.708	580.539.072	1.737.752.636
- Phát sinh trong năm		2.268.200.830	580.539.072	1.687.661.758
- Tăng khác		50.090.878	-	50.090.878
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp	-	107.868.624	107.868.624	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.628.553.849	8.564.166.585	9.331.843.291	4.860.877.143
- Phát sinh trong năm	5.628.553.849	8.873.265.707	9.331.843.291	5.169.976.265
- Tăng khác	-	222.542.953		222.542.953
- Hoàn Phạt chậm nộp thuế (i)	-	(531.642.075)		(531.642.075)
Tổng	122.546.531.869	134.076.072.459	125.644.100.263	130.978.504.065
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải thu	22.118.076	426.695.853	3.770.510.953	3.365.933.176
Thuế GTGT	-	-	461.872.553	461.872.553
Thuế XNK	22.118.076	426.695.853	1.848.330.721	1.443.752.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	495.702.783	495.702.783
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	11.623.655	11.623.655
Thuế tài nguyên	-	-	952.981.241	952.981.241
Tổng	22.118.076	426.695.853	3.770.510.953	3.365.933.176

(i) Thuế TNDN và tiền lãi chậm nộp các năm trước được giảm căn cứ Biên bản thanh tra theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 và Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

5.17. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	999.301.740.342	827.890.659.668
Lãi vay phải trả	1.762.736.022	-
Trích trước chi phí các công trình	997.539.004.320	827.890.659.668
Tổng	999.301.740.342	827.890.659.668

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	143.419.299.268	108.837.558.195
Tài sản thừa chờ xử lý	121.600	94.613.100
Kinh phí công đoàn	1.161.205.491	856.844.549
Bảo hiểm xã hội	873.565.612	914.338.035
Bảo hiểm y tế	331.603.988	332.153.387
Bảo hiểm thất nghiệp	167.086.499	165.225.503
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	230.000.000
Phải trả phải nộp khác	140.785.716.078	106.244.383.621
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam (1)</i>	<i>58.160.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần khoáng sản FECON</i>		<i>5.462.271.836</i>
<i>Công ty TNHH Geoharbour Holding (2)</i>	<i>22.839.423.224</i>	<i>27.839.423.224</i>
<i>Viện nền móng và công trình Ngầm FECON</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>58.786.292.854</i>	<i>71.942.688.561</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	143.419.299.268	108.837.558.195

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2020/ECOTECH-FECON giữa CTCP Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech và CTCP Năng lượng FECON ngày 25/8/2020; Theo đó cổ phần chuyển nhượng là 7.650.000 cổ phần tương đương 25,5% vốn điều lệ của CTCP Năng lượng ECOTECH, giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế tài chính	111.220.998.789	111.220.998.789	116.442.117.223	87.552.734.172	82.331.615.738	82.331.615.738
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.943.615.342	3.943.615.342	41.317.833	5.550.781.596	9.453.079.105	9.453.079.105
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	16.238.106.228	16.238.106.228	24.257.606.035	8.974.499.807	955.000.000	955.000.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (27)	38.311.987.115	38.311.987.115	44.653.574.081	44.915.263.089	38.573.676.123	38.573.676.123
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	217.916.636	217.916.636	217.916.636	1.490.866.636	1.490.866.636	1.490.866.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Challease - Chi nhánh Hà Nội (28)	12.278.225.765	12.278.225.765	4.485.316.393	7.130.484.225	14.923.393.597	14.923.393.597
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumit Trust - CN Hà Nội (29)	39.172.142.163	39.172.142.163	41.665.086.245	19.428.544.359	16.935.600.277	16.935.600.277
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.059.005.540	1.059.005.540	1.121.300.000	62.294.460	-	-
Tổng	1.594.975.839.971	1.594.975.839.971	2.418.282.951.423	1.956.810.594.845	1.133.503.483.393	1.133.503.483.393
	0	0				
b. Nợ thuế tài chính		Năm 2020 (VND)		Năm 2019 (VND)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.172.429.059	621.647.463	5.550.781.596	6.774.684.096	1.223.902.500	5.550.781.596
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.133.232.530	1.158.732.723	8.974.499.807	18.507.334.543	1.068.334.543	17.439.000.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Challease - CN Hà Nội	8.420.347.031	1.289.862.806	7.130.484.225	4.248.527.187	370.583.266	3.877.943.921
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	43.222.150.758	2.957.428.161	40.264.722.597	25.971.811.298	1.644.547.849	24.327.263.449
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	1.375.840.500	102.890.500	1.272.950.000	1.311.540.000	-	1.311.540.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumit Trust - CN Hà Nội	20.368.006.424	939.462.065	19.428.544.359	-	-	-
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	76.112.802	13.818.342	62.294.460	-	-	-
Tổng	89.768.119.104	7.083.842.060	82.684.277.044	56.813.897.124	4.307.368.158	52.506.528.966

(1). Ngân hàng BIDV Đông Đô: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/132625/HĐTD ngày 04/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Hạn mức cấp tín dụng 1.100 tỷ trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn 500 tỷ, hạn mức bảo lãnh 600 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/9/2021; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/12117088/HĐTD lập ngày 22/7/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cấp hạn mức tín dụng tối đa là 100 tỷ đồng. Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 30 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 70 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này nhưng không quá 31/08/2021. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng, bảo lãnh cụ thể. Biện pháp bảo đảm là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12117088/HĐBĐ ngày 15/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Máy ép cọc thủy lực ZYJ420B, Máy ép cọc thủy lực ZYJ860BG, Máy ép cọc thủy lực ZYJ 600, Máy đóng cọc bánh xích IHI IPD100 cùng các chứng từ kèm theo với tổng giá trị tài sản thế chấp sau khi làm tròn là: 9.116.420.290 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp Xe Toyota Fortuner 20119, Biển kiểm soát 30G-540.14 cùng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 753055 ngày 18/09/2020 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 910.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Búa đóng cọc Diezen HD50, số ZC20081107A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20081120A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20081132A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20110322A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20110318A cùng các chứng từ gốc với tổng giá trị tài sản thế chấp là 1.390.862.016 đồng

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/12745542/HĐTD ngày 01/11/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 01/11/2019. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 40 tỷ đồng. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/9/2020. Tài sản đảm bảo: Máy đóng cọc SUMITOMO LS218 RH5, SK 0293; SM 6D22-201687 và máy đóng cọc Nippon Saryo; model DH608-120M; số động cơ N62602

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 19565.20.002.966899.TD ngày 20/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1. Hạn mức cấp tín dụng bao gồm: Hạn mức cho vay 300 tỷ, hạn mức thấu chi (thuộc hạn mức cho vay) 10 tỷ, hạn mức bảo lãnh 700 tỷ, hạn mức bảo lãnh thanh toán 300 tỷ, hạn mức bảo lãnh khác 400 tỷ, hạn mức LC 30 tỷ. Tổng dư nợ và bảo lãnh thanh toán 300 tỷ; Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 07/05/2021; Lãi suất gồm lãi suất cố định theo văn bản nhận nợ của hoặc lãi suất thả nổi theo thị trường; Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng; Tài sản bảo là giá trị sản lượng dở dang và/hoặc quyền đòi nợ từ phương án MB tài trợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ; Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 30 %.

+ Hợp đồng tín dụng số 0185/2066/N-CTD ký ngày 10/09/2020. Hạn mức vay là 6 tỷ đồng; thời hạn cấp tín dụng có hiệu lực đến hết 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất theo thông báo lãi suất cho vay đồng Việt Nam theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là 03 dây chuyền sản xuất PVD TN-1, TN-2 và T4 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0091/1866/TC ký ngày 09/5/2018; 01 xe ô tô Mitsubishi Pajero Sport D4x2 MT biển kiểm soát số 62LD-007.56 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ 0092/1866/TC ký ngày 09/5/2018; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 0162/2066/CC ký ngày 10/9/2020.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 24329.20.031.3926124.TD ngày 04/06/2020 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đông Anh với 2 giá trị hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng 1: 35.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng, bảo lãnh là 25.000.000.000 đồng, vay lương là 1.000.000.000 đồng, bảo lãnh thanh toán 5.000.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng 2: 70.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 50.000.000.000 đồng, vay lương là 2.000.000.000 đồng, bảo lãnh thanh toán 10.000.000.000 đồng và Giá trị 2 HMTD trên đây đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc của Khách hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 35385.19.031.3926124.TD ngày 05/11/2019 giữa MB và Khách hàng. Tại thời điểm ký Hợp đồng cấp tín dụng, HMTD 1 có hiệu lực, HMTD 2 chưa có hiệu lực; HMTD 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của HMTD1 và được MB chấp thuận cho Khách hàng sử dụng Khoản tín dụng trong HMTD 2. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 20/05/2021. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ của Khách hàng với MB. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp và sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng của Khách hàng năm 2020 - 2021. Thời hạn tối đa của các khoản tín dụng không vượt quá 9 tháng, thời hạn cho vay sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng cung cấp bê tông nhựa nóng số 02/2020/CC.BTN ngày 10/02/2020 và phụ lục kèm theo.

➤ Hợp đồng cấp tín dụng Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Phú Nhuận số 71762.20.226.2831023.TD ngày 16/12/2020. Hạn mức tín dụng 1 là 90.250.000.000 đồng, hạn mức tín dụng 2 là 180.500.000.000 đồng, bao gồm toàn bộ số dư hợp đồng cấp tín dụng số 54517.19.226.2831023.TD ngày 10/12/2019. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05/12/2021. Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp của khách hàng giai đoạn 2020 - 2021. Tài sản đảm bảo là tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá, quyền đòi nợ và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang, quyền phát sinh từ hợp đồng thầu phụ số LTRS/SUB/0033 ngày 20/02/2020 và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 25.670.167.399 đồng

➤ Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Phú Nhuận số 57169.20.226.8121.971 ký ngày 27/10/2020. Hạn mức cho vay là 5 tỷ đồng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất bậc thềm. Thời hạn cấp tín dụng có hiệu lực đến ngày 13/10/2021. Lãi suất theo thông báo lãi suất cho vay đồng Việt Nam theo từng giấy nhận nợ.

(3) Hợp đồng cho vay từng lần số 54/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 12.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Bến tạm thuộc Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa tại xã Lạc Hòa, Tx. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 02/03/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 26/06/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần. Biện pháp bảo đảm bao gồm các Hợp đồng: Hợp đồng thế chấp số 26/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/08/2019, 27/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/08/2019, 113/2018/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 25/10/2018; Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần FECON; HĐ thế chấp số 119/2020/HĐBĐ/NHCT/328-FECON ngày 24/12/2020; HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 56/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 30/08/2020; HĐ thế chấp động sản số 104/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 27/11/2020; Hợp đồng thế chấp động sản số 105/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 26/11/2020.

➤ Hợp đồng cho vay từng lần số 55/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Thi công đường và hệ thống thoát nước, bãi cầu, công tác đất cho móng trụ điện thuộc dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã Ninh Hải, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/05/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 23/09/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần.

➤ Hợp đồng cho vay từng lần số 44/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 05/11/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 180.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Hoa Sen Đại Phước Phân khu 4 tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ.

➤ Hợp đồng cho vay từng lần số 38/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 29/09/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 270.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất tại địa điểm Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2020, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ

(4) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 5325/20MB/HĐTD ngày 01/5/2020 với Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội; Hạn mức cấp tín dụng bao gồm: Hạn mức cho vay 80 tỷ, hạn mức cấp bảo lãnh 130 tỷ, hạn mức LC phát hành thư tín dụng 130 tỷ; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Cho vay, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ thi công dự án/công trình/hợp đồng do Bên được cấp tín dụng thực hiện; Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng, kể từ ngày 12/5/2020 đến ngày 12/5/2021; Lãi suất được quy định cụ thể theo từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh; Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và/hoặc đã hình thành từ hợp đồng thi công và các phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo (nếu có) giữa Bên được cấp tín dụng và Bên thanh toán và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

➤ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3938/18MB/HĐTD ngày 02/7/2018 với Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay 18 tỷ đồng; Mục đích cho vay để bù đắp tiền thuê đất theo hợp đồng số 47/HĐ-

CN-A THB ngày 19/5/2018 để thuê lại đất làm xưởng sửa chữa thiết bị máy móc nội bộ. Thời hạn vay 36 tháng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 05/7/2018 sửa đổi giá trị tài sản thế chấp, giá trị 23.613.525.000 đồng.

(5) Hợp đồng cho vay hạn mức số 0053/2066/N-KD/01 ngày 16/03/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh. Mục đích vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn và lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: bảo lãnh vay vốn của công ty CP FECON (giấy ĐKKD số 0101502599 do Sở KH và ĐT TP. Hà Nội cấp ngày 18/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 17/10/2019) đồng ý trả nợ thay đối với mỗi nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, phí) liên quan đến khoản vay của khách hàng tại ngân hàng. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 26.221.578.276 đồng

(6) Hợp đồng cho vay hạn mức số 372/2020-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 15/12/2020 với ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Thủ Thiêm. Hạn mức cho vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng vay vốn số 357/2019-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 13/12/2019. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2021. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp năm 2020 – 2021. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, trên cơ sở một năm có 365 ngày. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 45.724.679.631 đồng

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo HĐ cấp tín dụng hạn mức số 148/2020/HĐTD/PHG/01 ngày 14/4/2020. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 14/4/2020 đến 14/4/2021). Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác.

➤ Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 549/2020/HĐTD/PHG/01 ký với Ngân Hàng TMCP Tiên Phong Hạn mức cho vay: 80.000.000.000 đồng Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công móng và công trình ngầm. Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 18/12/2020. Lãi suất xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng lần lượt là các hợp đồng cầm cố tài sản số 215/2017/HĐBĐ/PHG/04 Ngày 08/01/2019 giữa TP Bank và Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON (HĐ tiền gửi số 18181899/2019/HDTG/01, HĐ tiền gửi số 18181899/2019/HDTG/02 và HĐ tiền gửi số 18181899/2019/HDTG/03; Hợp đồng thế chấp số 215/2017/HĐBĐ/PHG/05 ký ngày 29/05/2019; Hợp đồng thế chấp số 215/2017/HĐBĐ/PHG/06 ngày 17/08/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 127/2020/HĐBĐ/PHG/01 ký ngày 01/04/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 492/2019/HĐBĐ/PHG/02 ký ngày 07/07/2020; Hợp đồng cầm cố tài sản số 492/HĐBĐ/PHG/03 ký ngày 06/07/2020.

➤ Hợp đồng cho vay số: 28/2017/HĐTD/PHG ngày 20/01/2017 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Số tiền vay là 733.000.000 đồng. Mục đích vay: để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ mục đích đi lại nội bộ của doanh nghiệp theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 0117/07/HĐKT/VH ký ngày 09/01/2017 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON và Công ty TNHH ô tô Việt Hùng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

➤ Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/04/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Lãi suất linh hoạt: áp dụng 11%/năm trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,6%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

➤ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 305/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 01/7/2019. Số tiền vay là 1.067.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại nội bộ theo Hợp đồng mua bán số 2406-04/2019/HĐMB-TG ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON và Công ty Cổ phần Hà Thành Ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 05/7/2019. Lãi suất linh hoạt: 8,9%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,95%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

➤ Hợp đồng cho vay số 215/2017/HĐTD/PHG/03 ngày 20/9/2019. Số tiền vay là 622.680.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 29/2019/HĐ-KH.FCU. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất linh hoạt theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi trường an lộc số HDTG/190414/PHG/1818189900E phát hành ngày 19/4/2019.

➤ Hợp đồng cho vay số 467/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 13/11/2019. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để bù đắp chi phí đầu tư máy móc thiết bị theo hợp đồng mua bán thiết bị số 32/2019/HĐ-KH.FCU ký ngày 06/9/2019

với Công ty TNHH BVA ; Hóa đơn VAT số 0000003 ngày 09/9/2019; biên bản bàn giao máy móc ngày 07/9/2019. Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 19/11/2019. Lãi suất linh hoạt: 10,5%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,9%/năm với thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 467/2019/HDBD/PHG/01 ngày 13/11/2019

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 26/2021/HDTD/TXN/01 ngày 05/02/2021 với Ngân hàng TMCP Tiên Phongviệc cấp hạn mức tín dụng như sau: Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND bao gồm bảo lãnh thanh toán và Hạn mức bảo lãnh là 60.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng HMTD là 12 tháng kể từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/02/2022 với lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 247/2019/HDBD/TXN/04 ngày 29/10/2020

(8) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 67/2020/HDTD/TXN/01 ngày 12/5/2020 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong Hạn mức cấp tín dụng tối đa 80.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 12/5/2020 đến ngày 12/5/2021; Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ hoặc theo các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa 2 bên

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 130/2020/HDTD/TXN/01 ngày 18/9/2020 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong ; Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, hạn mức cho vay, L/C, bảo lãnh thanh toán là 30 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, L/C UPAS X phục vụ hoạt động thi công, xây lắp; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày 18/09/2020 đến ngày 18/09/2021; Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng số 1410.1/2020/HĐTCXD/HV-FPL ký ngày 14/10/2020 với Công ty CP Khách sạn Hồng Vận có giá trị là 22.950.000.000 VND tại thời điểm ký hợp đồng được xác định bởi ngân hàng

(9) Hợp đồng tín dụng số 8470956.19 ngày 16/12/2019 Ngân hàng TMCP Cổ phần Quốc tế VN (VIB). Hạn mức tín dụng 170.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng tín dụng số 0011.HĐTD-VIB880.18 ngày 01/11/2018. Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thả nổi xác định tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là các khoản phải thu đã hình thành, hình thành trong tương lai từ các hợp đồng đầu ra do VIB tài trợ, bảo lãnh thanh toán của Công ty mẹ - Công ty CP FECON đối với toàn bộ hạn mức tín dụng. Số dư tại ngày 31/12/2020 là 24.770.347.890 đồng

(10) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 346442819 ngày 30/9/2019 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ; Mục đích cấp tín dụng: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh của bên được cấp tín dụng ; Thời hạn cấp 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân; Tài sản bảo đảm là Quyền phải thu từ các Hợp đồng kinh tế cụ thể do VIB tài trợ (ngoại trừ các đối tác: Bitexco, Cienco, Công ty Nam Cường, các đối tác có vốn/Công ty mẹ thuộc sở hữu Trung Quốc, Đài Loan. Cho vay không có tài sản bảo đảm đối với hạn mức bảo lãnh dự thầu =< 30.000 triệu đồng, hạn mức bảo lãnh bảo hành =< 10.000 triệu đồng. Hiện tại hợp đồng tín dụng đã hết hạn

(11) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2020.000699 ngày 31/7/2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ; Hạn mức cấp tín dụng 120 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư nợ và số dư bảo lãnh trừ bảo lãnh vay vốn, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 80 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ; Cho vay không đảm bảo bằng tài sản, hàng quý ngân hàng thực hiện chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ RMS, trường hợp kết quả chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ chuyển sang nợ nhóm 2 hoặc nhóm cao hơn thì bên vay đồng ý áp dụng biện pháp cho vay có bảo đảm bằng tài sản và bên vay phải bổ sung tài sản bảo đảm

(12) Hợp đồng hạn mức tín dụng 318/2019/HĐHMTD/PVB.HAN-FECON ngày 18/11/2019 với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội Hạn mức cấp tín dụng 300 tỷ đồng; Hạn mức cấp bảo lãnh tối đa 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh.; Hợp đồng cấp tín dụng số 41/19/CTD/FECON ngày 20/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long và CTD/FECON; Giới hạn cấp tín dụng 60 tỷ đồng; Tài sản, biện pháp bảo đảm gồm: Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành theo biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 25/09/2019 của Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐTCXD.FECON-MĐ (bao gồm giá trị bảo hành) giữa Bên được cấp tín dụng với Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức về việc thi công gói thầu Cung cấp và thi công cọc PHC (khu vực nhà sơn) công trình Nhà máy ô tô Vinfast. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành theo theo biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 31/08/2019 của Hợp đồng thi công xây dựng số 35/2015/G6/TV-LH giữa Bên được cấp tín dụng với Công ty TNHH Một thành viên 17 về việc thi công cọc cát đường kính 0.4m dự án Lạch Huyện- Đường cầu nối Tân Vũ, Lạch

Huyện. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ đã hình thành từ các dự án do Ngân Hàng tài trợ vốn và/ hoặc các dự án khác đủ điều kiện nhận tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân Hàng. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 70%; Thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các dự án do Ngân Hàng tài trợ vốn. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố một phần cổ phiếu chưa niêm yết của Bên được cấp tín dụng tại Công ty Cổ phần Năng lượng FECON. Tỷ lệ cấp tín dụng/Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố toàn bộ cổ phiếu chưa niêm yết của Bên được cấp tín dụng tại Công ty CP Hoàng Vương Hưng Yên sau khi hoàn thành thủ tục góp vốn. Tỷ lệ cấp tín dụng/ Giá trị tài sản bảo đảm: 50%; Thế chấp/Cầm cố Tài sản bảo đảm nhóm A và Bất động sản tại đô thị đáp ứng điều kiện nhận của Ngân Hàng, trong đó Tài sản nhóm A theo quy định của Ngân Hàng gồm: Sổ tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi do Ngân Hàng phát hành, sổ dư trên tài khoản của Bên được cấp tín dụng mở tại Ngân Hàng (PVcombank); Chứng chỉ nợ khác do PVcombank phát hành; Sổ tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi, sổ dư trên tài khoản của Bên được cấp tín dụng tại các Tổ chức tín dụng thuộc danh sách và trong hạn mức được PVcombank chấp thuận do Ủy ban Quản lý rủi ro ban hành trong từng thời kỳ; Trái phiếu Chính Phủ; Tiền mặt VND và ngoại tệ là USD và EUR và ngoại tệ khác theo quyết định của PVcombank trong từng thời kỳ; Vàng đủ tiêu chuẩn lưu hành; Các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Bên được cấp tín dụng. Hiện tại hợp đồng đã hết hạn

(13) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HNI-18-061.01 ngày 19/4/2019 và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HNI-20-032 ngày 28/5/2020 với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hà Nội; Hạn mức vay tín dụng ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh tối đa là 10.000.000 USD; Mục đích: Hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động của khách hàng; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến ngày 29/4/2021; Loại tiền giải ngân VND; Lãi suất bằng chi phí vốn của ngân hàng đối với loại tiền và kỳ tính lãi của khoản giải ngân liên quan cộng 2% một năm trừ trường hợp khách hàng và ngân hàng có thỏa thuận khác; Mỗi biện pháp bảo đảm sẽ được tiếp tục thực hiện và gia hạn đối với tất cả các khoản tiền vào mọi và từng thời điểm đối với khoản tiền được bảo đảm; Tổng dư nợ các khoản giải ngân theo hạn mức tại mọi thời điểm không vượt quá 85% giá trị bảo đảm tương ứng với tất cả các hợp đồng thế chấp

(14) Theo hợp đồng hạn mức/hạn mức bao thanh toán (áp dụng với bao thanh toán nội địa Người Bán - Có cam kết thanh toán từ Người Mua, không vận hành qua hệ thống SCF) số MMD202013114827/HĐHM/TCB-FCN ngày 17/8/2020 với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam; Giá trị hạn mức bao thanh toán (BTT) 59.170.422.063 đồng; Tỷ lệ BTT: Tỷ lệ ứng trước tối đa là 100% Khoản phải thu (KPT); Mục đích sử dụng tiền BTT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng phải cung cấp hồ sơ chứng minh mục đích sử dụng tiền theo hướng dẫn của Techcombank; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất và phí tùy thuộc vào từng thời điểm ứng trước khoản phải thu; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm

➤ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HSO202013039503/HDHMBTT ngày 11 tháng 06 năm 2020 với Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam cấp hạn mức bao thanh toán (BTT) 25.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cung cấp hạn mức BTT là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất tùy thuộc từng thời điểm ứng trước tiền của Teckcombank cho khách hàng

(15) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020 và bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 với Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội Hạn mức vay tài trợ thương mại 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Lãi suất: 1,5% cộng với chi phí huy động vốn tùy từng thời điểm hoặc lãi suất khác được 2 bên chấp thuận; Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán là 01 năm; Phí 1,5%/năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), đối với mỗi hợp đồng được ngân hàng tài trợ phải chỉ rõ qua tài khoản của bên vay được mở tại ngân hàng, các hợp đồng tài trợ phải được ngân hàng xác nhận

(16) Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1711/2020-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 25/11/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/11/2021; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo

(17) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 41/19/CTD/FECON ngày 20/11/2019 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ; giới hạn cấp tín dụng 60 tỷ đồng; thời hạn cấp tín dụng tối đa 12 tháng nhưng không quá ngày 16/11/2020; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm

(18) Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 với Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...

(19) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2020 là: 1.935.768,86 USD

(20) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 với ông Trần Ngọc Dương Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất cho vay là 12%/năm; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Bảo đảm của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay đã giải ngân cho bên vay khi đến hạn

(21) Hợp đồng cho thuê tài chính số 45.19.09/CTTC ngày 17/7/2019 với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam . Số tiền cho thuê 2.010.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên được điều chỉnh 6 tháng/lần, 6 tháng đầu áp dụng lãi suất cố định 9,6%/năm. Sau 6 tháng, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Sở giao dịch Vietcombank công bố cộng biên độ 3,3%/năm.

(22) Hợp đồng cho thuê tài chính số B200739613 ngày 30/9/2020 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà. Số tiền cho thuê 2.800.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng sau ngày bắt đầu thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC (tính theo lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng của 1 trong 3 ngân hàng BIDV, Sacombank, Vpbank) 9,30%/năm, biên độ dao động 2,69%.

(23) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 15/4/2020 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí; Mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Khối lượng trái phiếu đặt mua 50.000 trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 18 tháng; Lãi suất trái phiếu trong suốt kỳ hạn trái phiếu cố định là 11%/năm; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Ngày thanh toán lãi đầu tiên là 30/09/2020; ngày thanh toán lãi cuối cùng là ngày đáo hạn trái phiếu.

(24) Hợp đồng đặt mua trái phiếu FCNH202202 đáo hạn năm 2022 giữa Công ty Cổ phần FECON và các cá nhân; Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu 18 tháng; Tổng khối lượng phát hành: 80.000 Trái phiếu; Lãi suất phát hành cố định 11%/năm

(25) Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành Trái phiếu số 12/2019/VCBS-TVTCN ngày 02/12/2019 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Mệnh giá Trái phiếu 100 triệu đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn Trái phiếu dự kiến tối đa 12 tháng; Khối lượng Trái phiếu phát hành 1.000 Trái phiếu; Tổng giá trị Trái phiếu phát hành 100 tỷ đồng; Thông báo số 186/2019/VCBS-TVTCN ngày 24/12/2019 của Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam v/v thông báo danh sách Nhà đầu tư mua Trái phiếu; Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm ký kết giữa Tổ chức phát hành và Đại lý nhận tài sản đảm bảo là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

(26) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2019/HDMB/MSB-FCN ngày 28/3/2019 giữa CTCP FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 100.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 100 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Tháng 3,6,9,12 kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 10% giá trị Trái phiếu phát hành tương đương 10 tỷ/đợt; Tháng 15, 18, 21, 24 kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 15% giá trị Trái phiếu phát hành tương đương 15 tỷ/đợt; Kỳ thanh toán lãi Trái phiếu: hàng tháng; Lãi suất Trái phiếu bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng VCB, BIDV, Viettinbank và Agribank cộng lãi biên 3,5%/năm; Kỳ hạn Trái phiếu 24 tháng. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ

phiếu niêm yết của CTCP FECON và 4,1 triệu cổ phiếu của CTCP Khoáng sản FECON.

(27) Hợp đồng cho thuê tài chính số C200506113 ngày 30/6/2020 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE - CN Hà Nội. Tài sản thuê là máy móc thiết bị theo phụ lục đi kèm; Tổng giá trị cho thuê: 4.485.316.393 đồng; Thời gian cho thuê: 42 tháng dự kiến từ ngày 6/8/2020. Lãi suất thuê và phương thức thanh toán hàng tháng quy định trong kế hoạch trả nợ. Bảo đảm: Ký vược đảm bảo giá trị 291.545.566 đồng và Thư bảo lãnh phát hành bởi Nguyễn Chí Công.

(28) Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010201702006 về việc thuê tài chính Cần trục bánh xích IHI, DCH800, số khung HN108. Giá mua dự kiến là 5.500.000.000 đồng; thời hạn cho thuê là 48 tháng; lãi suất 8%/năm tính đến ngày 31/08/2017, từ ngày 01/09/2017 lãi suất thả nổi.

↗ Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010201702007 về việc thuê tài chính Bộ gầu cạp tường vây, khoan cọc nhồi. Giá mua dự kiến là 2.860.000.000 đồng; thời hạn cho thuê là 48 tháng; lãi suất 8%/năm tính đến ngày 31/08/2017, từ ngày 01/09/2017 lãi suất thả nổi

(29) Bao gồm các hợp đồng thuê tài chính máy móc thiết bị của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, cụ thể:

↗ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00047-000 ngày 31/03/2017 về việc thuê máy Shaft Grouting 1 Tecsystem-IN00039-AL-203. Giá mua dự kiến 5.390.550.000 đồng; thời hạn cho thuê là 60 tháng; lãi suất 8%/năm; giá mua lại tài sản bằng 0,5% giá mua.

↗ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00048-000 ngày 25/07/2017 về việc thuê máy Shaft Grouting 2 Tecsystem-IN00038-AR-103. Giá mua dự kiến 7.007.715.000 đồng; thời hạn cho thuê là 60 tháng; lãi suất 8%/năm; giá mua lại tài sản bằng 0,5% giá mua.

↗ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00198-000 ngày 29/9/2017 về việc thuê máy Shaft Grouting 3 Tecsystem-IN00038-AR-257. Giá mua dự kiến 8.580.809.000 đồng; thời hạn cho thuê là 48 tháng; lãi suất 7,6%/năm; giá mua lại tài sản bằng 0,5% giá mua.

↗ Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00199-000 ngày 30/10/2017 về việc thuê máy Shaft Grouting 4 Tecsystem-IN00038-AR-267. Giá mua dự kiến 8.580.809.000 đồng; thời hạn cho thuê là 48 tháng; lãi suất 7,6%/năm; giá mua lại tài sản bằng 0,5% giá mua.

↗ Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 31/03/2017. Kết thúc thời hạn thuê 31/03/2021 và được mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 0.35%/Tổng số tiền cho thuê; hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00047-000 ngày 31/03/2017.

5.20. Vốn chủ sở hữu

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DỰ VỐN CỔ PHẦN	QUYỀN CHỌN CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUY	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG
Số dư tại 01/01/2019	943.445.620.000	285.737.869.395	48.312.711.503	-	-	219.518.888.438	429.244.164	129.930.366.598	1.934.214.163.221	
Tăng vốn	195.031.800.000	132.468.200.000	(48.312.711.503)	-	-	-	-	-	279.187.288.497	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	10.981.525.601	211.560.964.650	
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.911.510.000	-	-	-	-	-	(56.911.510.000)	-	-	
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(56.936.231.000)	-	(56.936.231.000)	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	61.370.736.248	-	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(20.456.912.083)	-	(20.456.912.083)	
Truy thu, phạt thuế theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	(4.748.156.618)	-	(4.748.156.618)	
Tăng/Giảm trong năm hợp nhất	-	-	-	-	-	4.437.635.679	(93.416.811)	114.918.109.050	113.011.790.832	
Số dư tại 31/12/2019	1.195.388.930.000	418.206.069.395	-	-	-	285.327.260.365	335.827.353	255.830.001.249	2.455.832.907.499	
Số dư tại 01/01/2020	1.195.388.930.000	418.206.069.395	-	-	-	285.327.260.365	335.827.353	255.830.001.249	2.455.832.907.499	
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	-	10.039.280.000	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	14.888.728.824	133.585.173.124	
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	59.001.120.000	-	-	-	-	-	(59.001.120.000)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	(436.905.937)	(23.684.814.037)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	-	40.092.596.809	-	-	-	
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(59.014.661.500)	(149.971.506)	(59.164.633.006)	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(13.935.465.178)	-	-	-	-	(13.935.465.178)	
Trích thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	-	(2.824.434.768)	(136.565.232)	(2.961.000.000)	
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	-	-	7.147.015.864	-	7.147.015.864	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Tam trích lợi nhuận năm 2020) (iii)	-	-	-	-	-	-	(1.336.786.000)	-	(1.336.786.000)	
Điều chỉnh hợp nhất các năm trước	-	-	-	-	-	8.511.767.596	-	3.364.587.458	(6.272.718.784)	
Giảm khác tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	(1.246.672.429)	(701.253.241)	(1.947.925.670)	
Giảm khác (do thay đổi tỷ lệ % sở hữu tại các Công ty con)	-	-	-	-	-	149.772.187	(81.665.716)	14.931.720.691	15.652.740.034	
Số dư tại 31/12/2020	1.254.390.050.000	418.206.069.395	-	10.039.280.000	(13.935.465.178)	334.081.396.957	254.161.637	287.590.342.306	2.502.914.493.846	

Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

(ii) Tăng khác là khoản tăng liên quan Công ty được giảm Thuế TNDN và tiền lãi chậm nộp các năm trước được căn cứ Biên bản thanh tra theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 và Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

(iii) Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2020, việc trích sẽ chính thức thực hiện thông qua Đại hội đồng cổ đông.

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	1.195.388.930.000	943.445.620.000
Vốn góp tăng trong năm	59.001.120.000	251.943.310.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.254.390.050.000	1.195.388.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	181.356.286.409	195.675.389.331

c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.439.005	119.538.893
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.439.005	119.538.893
Cổ phiếu phổ thông	125.439.005	119.538.893
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.393.547	-
Cổ phiếu phổ thông	1.509.570	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.045.458	119.538.893
Cổ phiếu phổ thông	123.929.435	119.538.893
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	334.231.440.767	111.652.820.242
Doanh thu xây lắp	2.746.295.728.149	2.922.409.983.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.666.659.328	57.588.671.215
Tổng	3.154.193.828.244	3.091.651.475.015

5.22. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Giá vốn hàng bán	301.824.445.738	97.831.557.540
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.313.305.475.082	2.515.813.775.124
Giá vốn của dịch vụ	65.655.047.277	43.225.858.583
Tổng	2.680.784.968.097	2.656.871.191.247

5.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.320.079.057	11.439.882.461
Doanh thu bán khoán đầu tư	1.250.000.000	193.894.920.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.454.611	16.796.149
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	310.393.672	1.541.673.035
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.245.747.000	3.765.122.000
Doanh thu tài chính khác	44.091.229	-
Tổng	15.188.765.569	210.658.393.645

5.24. Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí lãi vay	96.073.976.082	83.054.243.144
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	14.128.095	690.936.991
Chi phí phát hành trái phiếu	1.900.000.000	-
Giá vốn thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	94.238.280.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	223.528.148	209.534.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	405.604.121	1.217.693.864
Chi phí tài chính khác	628.370.705	2.617.313
Tổng	99.245.607.151	179.413.305.315

5.25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí bán hàng	21.987.042.112	18.934.170.307
Chi phí nhân viên	14.153.777.240	9.889.515.454
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	222.455.612	674.354.535
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	69.846.671	51.692.063
Chi phí khấu hao TSCĐ	545.450.057	81.162.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.698.336.021	4.909.197.956
Chi phí bằng tiền khác	4.297.176.511	3.328.247.642
Chi phí quản lý	192.222.584.791	165.465.268.422
Chi phí nhân viên quản lý	112.898.734.105	92.392.227.622

Chi phí vật liệu quản lý	1.666.170.506	1.288.013.759
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.875.675.813	10.432.174.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.347.193.207	8.607.777.269
Thuế phí và lệ phí	4.873.695.603	7.133.984.535
Chi phí dự phòng	2.103.152.039	(2.953.717.250)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.289.117.644	31.416.057.797
Chi phí bằng tiền khác	29.168.845.874	17.148.750.582
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.000.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu	(2.000.000.000)	-
Tổng	214.209.626.903	184.399.438.729

5.26. Thu nhập khác /Chi phí khác

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	190.819.480	-
Thanh lý phế liệu thu hồi	8.181.818	-
Thu tiền bồi thường	87.814.000	13.840.000
Thu nhập từ việc mua rẻ công ty con	66.460.000	-
Thu từ hội nghị Geotech	-	4.509.528.412
Các khoản khác	848.041.422	5.370.091.158
Tổng	1.201.316.720	9.893.459.570
Chi phí khác		
Chi từ hội nghị Geotech	595.275.958	3.425.856.019
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý	70.274.019	3.051.785.278
Các khoản chi phí do ngừng sản xuất	331.389.023	-
Phạt vi phạm hợp đồng	2.165.670.099	1.328.633.693
Phạt an toàn lao động	-	218.200.000
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	2.825.726.628	4.486.889.886
Chi phí khác	2.166.414.636	1.957.013.143
Tổng	8.154.750.363	14.468.378.019
Lợi nhuận khác	(6.953.433.643)	(4.574.918.449)

5.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	34.647.187.978	63.733.225.003
Tổng	34.647.187.978	63.733.225.003

5.28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.585.173.124	211.560.964.650
Lợi ích của cổ đông thiểu số	14.888.728.824	10.981.525.601
Các khoản điều chỉnh tăng (Điều chỉnh tăng thuế Biên bản Thanh tra)	-	7.147.015.864
Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS)	1.336.786.000	26.072.342.868
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	117.359.658.300	174.507.096.181
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	118.940.525	107.663.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	987	1.621

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 được trình bày lại do ảnh hưởng của trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban điều hành năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 và khoản Công ty được giảm thuế TNDN và tiền lãi chậm nộp các năm trước được căn cứ Biên bản thanh tra theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 và Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như trình bày tại thuyết minh số 5.29 - Thuyết minh Báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2019 từ 1.863 đồng/cổ phiếu xuống 1.621 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	NĂM 2019 (TRÌNH BÀY LẠI) VND	NĂM 2019 (ĐÃ TRÌNH BÀY) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	211.560.964.650	211.560.964.650
Lợi ích của cổ đông thiểu số	10.981.525.601	10.981.525.601
Các khoản điều chỉnh tăng (Điều chỉnh tăng thuế Biên bản Thanh tra)	7.147.015.864	-
Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS)	26.072.342.868	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	174.507.096.181	200.579.439.049
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	107.663.680	107.663.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.621	1.863

5.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.449.512.744.008	1.566.890.778.167
Chi phí nhân công	329.594.112.355	274.160.508.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.839.628.561	74.711.319.780
Chi phí dự phòng	2.103.152.039	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.677.017.969	1.407.273.564.577
Chi phí khác bằng tiền	276.156.573.157	185.894.222.644
Tổng	4.005.883.228.089	3.508.930.393.647

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND	
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	19.419.252.303	13.820.598.714
Tổng	19.419.252.303	13.820.598.714	

Trong đó, chi tiết như sau:

Lương, thù lao của HĐQT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.374.293.856	2.198.911.288
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	1.200.000.000	1.160.000.000
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	1.326.768.227	1.265.527.636
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT	399.999.996	266.666.664
Ông Hà Thế Lộc	Thành viên HĐQT	399.999.996	356.666.664
Ông Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT	399.999.996	266.666.664
Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	399.999.996	356.666.664
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	399.999.996	266.666.664
Ông Satoyuki Yamane	Thành viên HĐQT	450.000.000	295.833.333

Lương, thù lao của Ban Kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	1.616.249.814	1.407.308.839
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên BKS	412.066.472	338.730.134
Ông Trần Công Tráng	Thành viên BKS	399.999.996	266.666.664

Lương, thù lao của Ban Tổng Giám đốc

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	2.224.625.000	2.041.375.000
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1.260.439.583	885.250.000
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	790.700.000	716.400.000
Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	238.000.000	240.000.000
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	607.703.125	312.700.000
Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc	401.197.917	240.000.000
Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc	1.034.531.250	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.260.677.083	61.364.583
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	603.718.750	-
Bà Nguyễn Thị Nghiê	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	1.218.281.250	877.197.917

Thu nhập của Nhân sự công bố thông tin

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2020 VND
Ông Trần Phương	Trưởng Ban Quan hệ nhà đầu tư & phát triển Thị trường vốn (Người công bố thông tin)	605.160.417

Số dư với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty đầu tư khác	952.471.204	1.016.824.184
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	Công ty đầu tư khác	252.832.770	506.894.137
Phải thu khác		120.475.471	113.151.910
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty đầu tư khác	116.654.782	82.033.609
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	-	24.894.641
Công ty CP cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	Công ty đầu tư khác	3.820.689	6.223.660
Phải thu cho vay		62.985.940.000	91.300.000.000
Công ty Cổ phần năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	39.685.940.000	91.300.000.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết	23.300.000.000	-
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN		115.421.372.024	115.733.050.079
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	109.661.643.345	112.119.149.169
Công ty CP địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty đầu tư khác	-	114.216.300
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	Công ty đầu tư khác	5.759.728.679	3.499.684.610
Người mua ứng tiền trước		-	17.577.178.920
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	-	17.577.178.920

Giao dịch với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Các giao dịch bán hàng				
Công ty CP Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty đầu tư khác	Thuê VP	546.141.021	567.357.001
Các giao dịch mua hàng				
Công ty CP Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty đầu tư khác	Xây lắp	32.298.000	103.833.000
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	Công ty đầu tư khác	Thuê thiết bị	9.116.834.524	3.333.494.345

Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

TRẦN THU TRANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN THANH





Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm Cao

A. Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

T. (+84) 24 62690481
F. (+84) 24 62690484

E. info@fecon.com.vn
www.fecon.com.vn